

**TẬP ĐOÀN BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG**

---



## **TÀI LIỆU**

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM TÀI CHÍNH 2019**

**HÀ NỘI, THÁNG 05 NĂM 2020**

## MỤC LỤC

STT	NỘI DUNG
1	Chương trình nghị sự
2	Báo cáo tổng kết tình hình hoạt động năm 2019 và dự kiến kế hoạch năm 2020
3	Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2019
4	Báo cáo Ban kiểm soát năm 2019
5	Báo cáo tài chính riêng năm 2019
6	Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019
7	Tờ trình về việc Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020

**TẬP ĐOÀN BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG**

-----o0o-----

**CHƯƠNG TRÌNH NGHỊ SỰ**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM TÀI CHÍNH 2019**

Ngày 30 / 05 / 2020

<b>TT</b>	<b>NỘI DUNG</b>	<b>THỜI GIAN</b>	<b>THỰC HIỆN</b>
1	Đón tiếp đại biểu. Các cổ đông làm thủ tục đăng ký	7h30 – 8h20	Ban tổ chức
2	Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách đại biểu	8h20 – 8h30	Ban kiểm tra
3	Khai mạc, tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu. Giới thiệu và thông qua danh sách Đoàn chủ tịch	8h30 – 8h40	Ô. Toàn
4	Đoàn chủ tịch bắt đầu điều hành. Giới thiệu và thông qua chương trình Đại hội, danh sách thư ký Đại hội	8h40 – 8h50	Đoàn chủ tịch
5	Báo cáo kết quả SXKD năm 2019 và Kế hoạch SXKD năm 2020 của Công ty	8h50 – 9h30	Ông Kiên
6	Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2019	9h30 – 10h	Ông Khôi
7	Báo cáo của Ban Kiểm soát năm 2019	10h – 10h20	Ban KS
8	Tờ trình lựa chọn Công ty kiểm toán BCTC năm 2020	10h20-10h30	Ô. Kiên
9	Giải lao	10h30 – 10h40	
10	Các đại biểu thảo luận, biểu quyết	10h40 – 11h15	
11	Thông qua Biên bản, Nghị quyết đại hội	11h15 – 11h30	Thư ký
12	Bế mạc	11h30	

Hà nội, ngày 11 tháng 05 năm 2020

**BÁO CÁO  
TỔNG KẾT TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2019  
VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH 2020**

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Dịch Vụ Kỹ Thuật Viễn Thông**

Thực hiện Nghị quyết đại hội cổ đông thường niên năm tài chính 2018 Ban Lãnh đạo Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông (TST) xin báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông Công ty các mặt hoạt động của Công ty trong năm 2019 và dự kiến kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 như sau:

**I- BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2019**

**1. Tình hình sản xuất kinh doanh năm 2019:**

*Đơn vị: 1000 đồng.*

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2019	Thực hiện 2019	Tỷ lệ
Tổng Doanh thu hợp nhất	172.765.454	94.831.087	54,89%
Tổng lợi nhuận sau thuế hợp nhất	3.126.000	782.327	25,02%
Lợi nhuận sau thuế của TST	3.126.000	250.579	8,01%
Nộp NSNN	5.000.000	3.642.934	72,85%
Số lượng lao động	212	191	90,09%

Năm 2019 là một năm khó khăn với Công ty trong bối cảnh cạnh tranh gay gắt, các dịch vụ viễn thông đã bão hòa. Hoạt động kinh doanh của Công ty TST không đạt mức chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận đề ra. Nguyên nhân chủ yếu như sau:

- Sự cạnh tranh quyết liệt làm đơn giá các dịch vụ viễn thông giảm mạnh và nhiều mức giá cạnh tranh dẫn đến doanh thu giảm và lợi nhuận không tương xứng. Việc cạnh tranh này về lâu dài khiến công ty kém nguồn lực, lợi nhuận để sản xuất kinh doanh, phát triển.

- Tình trạng nợ đọng vốn sản xuất kinh doanh gây khó khăn về nguồn vốn kinh doanh, chi phí lãi vay ngân hàng tăng do việc thanh toán chậm các công trình từ các đối tác Tổng Công ty Viễn thông MobiFone (TTML MobiFone Miền Bắc, TTĐK&SCTBVT), TT Hạ tầng mạng miền Bắc (VNPT Net1).

- Chi phí đầu vào tăng, doanh thu giảm nên ảnh hưởng rất nhiều đến lợi nhuận của Công ty.

- Trong năm Công ty luôn đối mặt với sự thiếu hụt lực lượng lao động có tay nghề tại các dự án trọng điểm, nguy cơ chậm tiến độ với sức ép của khách hàng.

Mặc dù gặp nhiều khó khăn nhưng Ban lãnh đạo Công ty và tập thể CB CNV đã nỗ lực cố gắng khắc phục khó khăn đưa ra nhiều biện pháp linh hoạt, phù hợp, kịp thời để thực hiện những mục tiêu đã đề ra.

## 2. Kết quả đầu tư năm 2019

Đơn vị: 1000 đồng

STT	Tên thiết bị	Kế hoạch 2019 ĐHĐCĐ phê duyệt	Thực hiện 2019	Ghi chú
1	Thiết bị đo	3.960.800	0	
2	Thiết bị văn phòng	496.500	0	
	<b>Cộng</b>	<b>4.457.300</b>	<b>0</b>	

Trong năm 2019, khó khăn về nguồn vốn kinh doanh nên Công ty không thực hiện đầu tư, bổ sung tài sản mà chỉ mua sắm công cụ dụng cụ nhỏ lẻ phục vụ công trình nhằm đáp ứng yêu cầu về máy móc, công cụ dụng cụ của Chủ đầu tư.

## 3. Phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2019

Ban Tổng Giám đốc điều hành kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2019 như sau:

Đơn vị: 1000 đồng

NỘI DUNG	THỰC HIỆN
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	250.579
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	
Chi trả cổ tức (dự tính 0,52%)	250.579
Chi trả thù lao HĐQT và BKS	
<b>Lợi nhuận còn lại chưa phân phối</b>	<b>0</b>

## II- KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020:

### 1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020:

Năm 2020 hầu hết mọi quốc gia đang phải trải qua một thời kỳ thực sự khó khăn do cả thế giới phải đối mặt với cuộc khủng hoảng nghiêm trọng chưa từng có, cuộc khủng hoảng tồi tệ nhất kể từ Thế chiến thứ II. Với các biện pháp phong tỏa và giãn cách xã hội đang được áp dụng theo những hình thức khác nhau, khủng hoảng y tế toàn cầu đang nhanh chóng trở thành cuộc khủng hoảng kinh tế xã hội trên toàn thế giới. Diễn biến tình hình dịch viêm phổi cấp COVID-19 diễn ra rất nhanh, nghiêm trọng, phức tạp, khó lường, chưa dự báo được thời điểm kết thúc, quy mô và phạm vi tác động chính xác. Nếu tình hình dịch bệnh COVID-19 tiếp tục kéo dài, dự báo sức chịu đựng của các doanh nghiệp là rất khó khăn và nhiều hệ lụy về tăng trưởng, lao động, việc làm, tiền lương... sẽ ảnh hưởng thậm chí đã bắt đầu xuất hiện những cảnh báo xa hơn về suy thoái kinh tế nếu dịch kéo dài và tình hình kiểm soát dịch chưa được cải thiện ở cấp độ toàn cầu.

Với thị trường viễn thông doanh thu nhà mạng sẽ bị ảnh hưởng nhất định. Rõ nhất là hành vi khách hàng thay đổi khi giảm nhu cầu dùng di động (gồm cả giao dịch thoại giảm mạnh) và do nghỉ làm việc, thu nhập giảm nên chi tiêu cho viễn thông giảm theo.

Năm 2020 tạo ra nhiều thách thức cho Công ty trong bối cảnh dịch bệnh, khó khăn về việc làm, doanh thu không thể bù đắp các khoản chi cho hoạt động như trả lương, lãi vay ngân hàng, khó khăn trong việc đóng BHXH, trả nợ BHXH để thực hiện mục tiêu tập trung duy trì việc làm, đảm bảo thu nhập của người lao động.

Qua việc đánh giá tình hình năm 2020, kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 với các chỉ tiêu chính như sau:

*Đơn vị: 1000 đồng*

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Thực hiện 2019</b>	<b>Kế hoạch 2020</b>	<b>Tỷ lệ</b>
Doanh thu của Công ty TST	64.177.731	108.016.192	168,30%
Lợi nhuận sau thuế của TST	250.579	41.113	16,40%
Tổng Doanh thu hợp nhất	94.831.087	128.016.192	134,99%
Tổng lợi nhuận sau thuế hợp nhất	782.327	1.566.113	200,18%
Nộp NSNN	3.642.934	4.000.000	109,80%
Số lượng lao động	191	190	99,47%

## **2. Phương hướng, nhiệm vụ chính:**

Công ty sẽ triển khai thực hiện một số định hướng chính như sau:

- Tìm hiểu, tiếp cận các kênh thông tin từ Chủ đầu tư.
- Thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy công ty theo hướng tinh gọn, chuyên nghiệp và hoạt động hiệu quả. Giảm đầu mối quản lý cấp phòng, tập trung việc quản lý điều hành về một mối tại Văn phòng Công ty, giữ lại những kỹ thuật giỏi của công ty và giảm chi phí quản lý.
- Duy trì tinh thần đoàn kết, gắn bó, các phòng ban và đơn vị tăng cường phối hợp, hỗ trợ nhau trong công việc.
- Chú trọng đào tạo lực lượng lao động hiện có để tăng cường khả năng chuyên môn của đội ngũ kỹ sư, công nhân.
- Thực hiện đầy đủ chế độ BHXH, BHYT, BHTN và các chế độ bảo hiểm khác liên quan đến người lao động trong quá trình hoạt động SXKD.
- Xây dựng mối quan hệ với nhà cung cấp sản phẩm vật tư, phụ kiện phục vụ mạng lưới viễn thông.
- Bảo toàn vốn, nâng cao hiệu quả thu hồi công nợ của khách hàng, giảm tình trạng nợ đọng vốn sản xuất kinh doanh
- Giảm thiểu việc sử dụng nguồn vốn tín dụng của ngân hàng.

## **3. Các biện pháp để triển khai :**

Muốn thực hiện được định hướng trên, Ban tổng giám đốc cần phải thực hiện các giải pháp sau:

- Thường xuyên đào tạo và sàng lọc lại cán bộ quản lý của Công ty theo hướng tinh gọn và hiệu quả, phù hợp yêu cầu hoạt động của Công ty.
- Chú trọng công tác đào tạo, nâng cao tay nghề cho đội ngũ cán bộ kỹ thuật của Công ty nhất là về sản phẩm dịch vụ mới.
- Theo dõi kế hoạch lựa chọn nhà thầu, các thông tin trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, Báo Đấu thầu

- Bám sát kế hoạch Chủ đầu tư để đưa ra những quyết sách kịp thời.
- Làm tốt công tác nghiên cứu thị trường để đề ra các biện pháp đúng đắn phát triển thị trường các dịch vụ mới.
- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát các đơn vị. Đảm bảo cung cấp vốn kịp thời và có các giải pháp cần thiết để hỗ trợ các đơn vị.
- Có kế hoạch cụ thể trong việc thu hồi công nợ khách hàng.
- Quản lý có hiệu quả và tiết kiệm các nguồn lực tài chính và các khoản chi phí trong hoạt động SXKD.

#### 4. Kế hoạch phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2020

Đơn vị: 1000 đồng


NỘI DUNG	THỰC HIỆN
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>41.113</b>
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	
Chi trả cổ tức (dự tính)	41.113
Chi trả thù lao HĐQT và BKS	
<b>Lợi nhuận còn lại chưa phân phối</b>	<b>0</b>

Trên đây là báo cáo toàn bộ tình hình SXKD năm 2019; mục tiêu, phương hướng hoạt động SXKD năm 2020.

Năm 2020 là năm dự báo rất khó khăn với thế giới, Việt Nam nói chung và Công ty TST nói riêng. Với mục tiêu duy trì hoạt động SXKD, bảo toàn vốn, đảm bảo việc làm cho người lao động Ban lãnh đạo cùng toàn thể CBCNV Công ty TST đồng lòng và quyết tâm vượt qua khó khăn, thực hiện tốt các mục tiêu. Chúng tôi tin tưởng và hy vọng sẽ nhận được nhiều sự quan tâm, giúp đỡ, chỉ đạo của Đại hội đồng cổ đông.

Xin trân trọng cảm ơn!

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**Phan Sỹ Kiên**

Hà Nội, ngày 23 tháng 04 năm 2020

## BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2019

**Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông.**

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông (TST) trân trọng báo cáo với Đại hội đồng cổ đông về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2019 và định hướng hoạt động năm 2020 như sau:

### **I. Báo cáo tình hình quản trị công ty năm 2019:**

Thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài chính 2018, Hội đồng quản trị đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Hội đồng quản trị đã thống nhất giám sát, chỉ đạo Ban lãnh đạo Công ty xây dựng các phương án, giải pháp phát triển kinh doanh. Triển khai các phiên họp, ban hành các nghị quyết, quyết định bám sát tình hình hoạt động SXKD của Công ty, đồng thời phối hợp chặt chẽ với Ban lãnh đạo Công ty, kịp thời đề ra các chủ trương giải pháp, chỉ đạo giải quyết các vấn đề liên quan đến việc xây dựng chiến lược phát triển và thực hiện kế hoạch kinh doanh của Công ty phù hợp với điều kiện thực tế. Cụ thể:

#### **Các phiên họp:**

##### **- Phiên họp ngày 10/04/2019:**

V/v: Họp về kết quả SXKD 2018, KHSXKD năm 2019, BC BKS 2018, Lộ trình thành lập công ty TNHH MTV do công ty TST làm chủ sở hữu, Tái cấu trúc công ty theo mô hình doanh nghiệp đáp ứng các Nghị định của Chính phủ và các nội dung khác

##### **- Phiên họp ngày 03/06/2019:**

V/v: Họp thống nhất bán toàn bộ số cổ phần công ty TST đang sở hữu tại Công ty CP Dịch vụ kỹ thuật MobiFone.

##### **- Phiên họp ngày 12/06/2019:**

V/v: Bầu các chức danh Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐQT Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông nhiệm kỳ 2019-2024. Bổ nhiệm chức danh Tổng giám đốc điều hành và các chức danh giúp việc điều hành khác của Công ty như các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng với thời hạn 05 năm cho nhiệm kỳ mới.

##### **- Ngày 12/06/2019: Họp ĐHĐCĐ thường niên năm tài chính 2018 công ty TST.**

##### **- Phiên họp ngày 30/06/2019:**

V/v: Giao ông Phan Sỹ Kiên ký văn bản v/v UQ thể chấp khoản phải thu/quyền đòi nợ phát sinh từ HĐKT TECH/TCT-634-19/MOBIFONE/HWSZ-HWVN-COMAS-TST ngày 11/07/2019.



**- Phiên họp ngày 09/09/2019:**

V/v: Cử người đại diện theo UQ quản lý phần vốn góp của Công ty TST tại Công ty HTSV. Biểu quyết các nội dung tại ĐHCĐ thường niên năm 2019 của Công ty HTSV.

**- Phiên họp ngày 25/09/2019:**

V/v: Thực hiện vay vốn, phát hành L/C, Bảo lãnh XNCCTD tại Ngân hàng MB.

**- Phiên họp ngày 22/10/2019:**

V/v: Thực hiện vay vốn, phát hành L/C, Bảo lãnh XNCCTD tại Ngân hàng MB.

**- Phiên họp 07/11/2019:**

V/v: Tình hình thực hiện SXKD quý 3 và dự kiến doanh thu năm 2019. Bổ nhiệm lại cán bộ, thống nhất quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động giữa HĐQT, BKS hoặc Tổng Giám đốc.

**- Phiên họp ngày 16/12/2019:**

V/v: Nhu cầu sử dụng tín dụng của Công ty tại NH TMCP Tiên Phong.

Các văn bản xin ý kiến HĐQT:

**- Văn bản ngày 29/08/2019:**

V/v: Xin ý kiến bổ nhiệm lại Giám đốc Chi nhánh Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông tại TP Đà Nẵng

**- Văn bản ngày 28/10/2019:**

V/v: Xin ý kiến biểu quyết bổ nhiệm Giám đốc Xí nghiệp Xây lắp số 1.

**- Văn bản ngày 15/11/2019:**

V/v: Xin ý kiến phê duyệt Dự án đầu tư “Mua sắm thiết bị phục vụ dự án”

**II. Kết quả giám sát hoạt động Ban Tổng giám đốc điều hành:**

Trong năm 2019, Hội đồng quản trị Công ty TST với vai trò trách nhiệm là đại diện cho Đại hội đồng cổ đông trong công tác quản lý hoạt động SXKD của Công ty, đã tập trung giám sát, chỉ đạo thực hiện các giải pháp được đặt ra, nhằm bảo đảm, duy trì và phát triển hoạt động SXKD, hướng tới mục tiêu kế hoạch SXKD năm 2019 của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông đề ra, cụ thể như sau:

*Đơn vị: 1000 đồng.*

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2019	Thực hiện 2019	Tỷ lệ
Tổng Doanh thu hợp nhất	172.765.454	94.831.087	54,89%
Tổng lợi nhuận sau thuế hợp nhất	3.126.000	782.327	25,02%
Lợi nhuận sau thuế của TST	3.126.000	250.579	8,01%
Nộp NSNN	5.000.000	3.642.934	72,85%
Số lượng lao động	212	191	90,09%

Năm 2019 là một năm khó khăn với Công ty trong bối cảnh thị trường thuộc lĩnh vực, ngành nghề truyền thống của Công ty bị chia nhỏ thị phần do sự cạnh tranh gay gắt của nhiều công ty có cùng lĩnh vực ngành nghề, nhiều đối thủ cạnh tranh xúc tiến giảm giá để nhằm xâm nhập và chiếm lấy thị trường dẫn đến doanh thu giảm và lợi nhuận không tương xứng. Bên cạnh đó áp lực về lao động, tiền lương, tạo công ăn việc làm ngày càng lớn do tác động của sự sụt giảm nhu cầu dịch vụ, giá thành dịch vụ giảm trong khi chi phí đầu vào tăng. Chi phí lãi

- vay ngân hàng tăng do việc thanh toán chậm các công trình nên hoạt động kinh doanh của Công ty TST không đạt mức chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận đề ra.

Từ kết quả sản xuất kinh doanh nêu trên Hội đồng quản trị kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phân chia lợi nhuận sau thuế 2019 như sau:

Đơn vị: 1000 đồng

NỘI DUNG	THỰC HIỆN
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>250.579</b>
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	
Chi trả cổ tức (dự tính)	250.579
Chi trả thù lao HĐQT và BKS	
<b>Lợi nhuận còn lại chưa phân phối</b>	<b>0</b>

### **III. Phương hướng, nhiệm vụ năm 2020:**

Năm 2020 trước tình hình diễn biến phức tạp của dịch viêm phổi cấp COVID-19, chưa dự báo được thời điểm kết thúc, quy mô và phạm vi tác động chính xác. Đến nay Công ty đã có nhiều hành động nhằm đối phó với ảnh hưởng tiêu cực của COVID-19, nhưng nếu dịch bệnh tiếp tục lan rộng và kéo dài, nhiều khó khăn, nguy cơ có thể xảy ra. Khó khăn về việc làm, doanh thu... sẽ phát sinh khiến Công ty gặp khó khăn không chỉ trong việc trả lương, lãi vay ngân hàng mà còn khó khăn trong việc đóng BHXH.

Qua việc đánh giá tình hình năm 2020, Hội đồng quản trị đã thống nhất dự kiến trình Đại hội đồng cổ đông thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020, như sau:

Đơn vị: 1000 đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2019	Kế hoạch 2020	Tỷ lệ
Doanh thu của Công ty TST	64.177.731	108.016.192	168,30%
Lợi nhuận sau thuế của TST	250.579	41.113	16,40%
Tổng Doanh thu hợp nhất	94.831.087	128.016.192	134,99%
Tổng lợi nhuận sau thuế hợp nhất	782.327	1.566.113	200,18%
Nộp NSNN	3.642.934	4.000.000	109,80%
Số lượng lao động	191	190	99,47%

Với mục tiêu duy trì hoạt động SXKD, bảo toàn vốn, đảm bảo việc làm cho người lao động Hội đồng quản trị đề ra phương hướng, nhiệm vụ năm 2020 như sau:

- Tiếp tục duy trì bảo toàn vốn Doanh nghiệp.
- Tăng cường công tác quản lý, định hướng hoạt động SXKD, đảm bảo thực hiện hiệu quả Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông công ty, hoàn thành các chỉ tiêu của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài chính 2019 thông qua.
- Chú trọng công tác quản lý phát triển nguồn nhân lực thông qua công tác đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn kỹ thuật để có điều kiện tiếp cận dịch vụ và kỹ thuật mới.

- Đầu tư trang thiết bị đo, máy móc, phương tiện vận tải để phục vụ và nâng cao năng lực cạnh tranh, đáp ứng tốt yêu cầu của thị trường.
- Chú trọng việc giữ vững thị trường hiện có, tập trung khai thác lợi thế cạnh tranh của doanh nghiệp, nâng cao uy tín thương hiệu chất lượng sản phẩm nhằm giữ vững khách hàng.
- Tập trung vào các dịch vụ thu hồi vốn nhanh, hiệu quả, đa dạng.
- Quản lý có hiệu quả và tiết kiệm các nguồn lực tài chính và các khoản chi phí trong hoạt động SXKD.
- Thường xuyên chăm lo đời sống người lao động.

#### **IV. Kết luận:**

Kính thưa Đại hội!

Trên đây là báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2019 và định hướng hoạt động của HĐQT trong năm 2020. HĐQT cùng Ban lãnh đạo và toàn thể CBCNV cam kết nỗ lực hết mình vượt qua khó khăn để thực hiện các mục tiêu đã đăng ký.

Thay mặt Hội đồng quản trị xin chân thành cảm ơn tới cổ đông, Lãnh đạo Tập đoàn VNPT, các đối tác, khách hàng đã luôn ủng hộ và đồng hành cùng Công ty trong thời gian qua. Và rất mong tiếp tục nhận được sự ủng hộ, giúp đỡ cũng như tâm huyết gắn bó lâu dài của các Quý cổ đông, các đối tác, khách hàng.

Xin trân trọng cảm ơn!



**Đặng Đức Khôi**

Hà Nội, ngày 22 tháng 4 năm 2020

## **BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT**

### **Tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019**

Kính thưa Đoàn Chủ tịch, thưa các Quý vị Cổ đông.

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông (sau đây gọi tắt là Công ty);
- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C;

Ban Kiểm soát xin báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông kết quả kiểm tra, giám sát các mặt hoạt động trong năm 2019 của Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông như sau:

#### **I. Hoạt động của Ban Kiểm soát:**

##### **1. Các công tác đã thực hiện năm 2019:**

- Trong năm 2019, Ban Kiểm soát đã tổ chức cuộc họp định kỳ và tham dự một số buổi họp Hội đồng quản trị của Công ty.
- Ban Kiểm soát đã tiến hành kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật và Công ty trong việc quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Hội đồng quản trị, Ban Điều hành Công ty năm 2019, cụ thể:
  - + Kiểm tra các báo cáo tài chính 6 tháng, báo cáo tài chính năm 2019;
  - + Xem xét báo cáo của Công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi trình Hội đồng quản trị chấp thuận;
  - + Tham gia ý kiến về một số nội dung thảo luận tại các phiên họp HĐQT được tham dự.

##### **2. Kế hoạch hoạt động năm 2020:**

- Tiếp tục thực hiện công việc kiểm tra, giám sát theo quy định tại Điều lệ Công ty;
- Giám sát việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2020;
- Thực hiện các công tác khác theo chức năng, quyền hạn và nhiệm vụ của Ban Kiểm soát trong năm 2020 và các năm tiếp theo.

#### **II. Kết quả giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị:**

- Hội đồng quản trị đã tổ chức các cuộc họp định kỳ hàng quý (và bất thường) theo quy định của Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty. Theo ý kiến Ban Kiểm soát hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm phù hợp với quy định của Điều lệ Công ty, đáp ứng kịp thời với yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Hội đồng quản trị đã ban hành các Nghị quyết và Quyết định liên quan đến hoạt động của Công ty trong phạm vi trách nhiệm và thẩm quyền của Hội đồng quản trị. Các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị ban hành đúng trình tự, đúng thẩm quyền

và phù hợp với các quy định của pháp luật và Công ty. Trong năm 2019, Hội đồng quản trị đã có các cuộc họp thảo luận và quyết định các vấn đề quan trọng liên quan đến cơ cấu lại tổ chức của Công ty như sau:

+ Phiên họp ngày 10/04/2019: Họp về kết quả SXKD 2018, KHSXKD năm 2019, BC BKS 2018, Lộ trình thành lập công ty TNHH MTV do công ty TST làm chủ sở hữu, Tái cấu trúc công ty theo mô hình doanh nghiệp đáp ứng các Nghị định của Chính phủ và các nội dung khác.

+ Phiên họp ngày 03/06/2019: Họp thống nhất bán toàn bộ số cổ phần công ty TST đang sở hữu tại Công ty CP Dịch vụ kỹ thuật MobiFone.

+ Phiên họp ngày 12/06/2019: Bầu các chức danh Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐQT Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông nhiệm kỳ 2019-2024. Bổ nhiệm chức danh Tổng Giám đốc điều hành và các chức danh giúp việc điều hành khác của Công ty như các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng với thời hạn 05 năm cho nhiệm kỳ mới.

+ Họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài chính 2018 công ty TST.

+ Phiên họp ngày 30/06/2019: Giao ông Phan Sỹ Kiên ký văn bản v/v UQ thế chấp khoản phải thu/quyền đòi nợ phát sinh từ HĐKT TECH/TCT-634-19/MOBIFONE/HWSZ-HWVN-COMAS-TST ngày 11/07/2019.

+ Phiên họp ngày 09/09/2019: Cử người đại diện theo UQ quản lý phần vốn góp của Công ty TST tại Công ty HTSV. Biểu quyết các nội dung tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 của Công ty HTSV.

+ Phiên họp ngày 25/09/2019: Thực hiện vay vốn, phát hành L/C, Bảo lãnh XNCCTD tại Ngân hàng MB.

+ Phiên họp ngày 22/10/2019: Thực hiện vay vốn, phát hành L/C, Bảo lãnh XNCCTD tại Ngân hàng MB.

+ Phiên họp 07/11/2019: Tình hình thực hiện SXKD quý 3 và dự kiến doanh thu năm 2019. Bổ nhiệm lại cán bộ, thống nhất quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động giữa HĐQT, BKS hoặc Tổng Giám đốc.

+ Phiên họp ngày 16/12/2019: Nhu cầu sử dụng tín dụng của Công ty tại NH TMCP Tiên Phong.

### **III. Kết quả giám sát hoạt động của Ban Tổng giám đốc điều hành Công ty:**

- Về thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh: Năm 2019 là một năm có nhiều biến động, thách thức, nhiều hợp đồng đã ký với Mobifone nhưng chưa thực hiện được (do biến động về nhân sự quản lý liên quan vụ án AVG), hầu hết các hợp đồng đã ký đến thời điểm năm 2020 mới đang triển khai thực hiện và dự báo các năm sau cũng chưa có khả quan (do ảnh hưởng của dịch bệnh toàn cầu Covid – 19). Tổng doanh thu của đơn vị năm 2019 giảm 30,21 tỷ đồng so với năm 2018, lợi nhuận sau thuế giảm 1,843 tỷ đồng. Ban kiểm soát đánh giá sự nỗ lực của Ban Tổng giám đốc điều hành Công ty đã có nhiều cố gắng, vận dụng mọi nguồn lực, tiết kiệm các khoản chi phí, tiền lương duy trì bộ máy hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị... để tìm kiếm lợi nhuận cho doanh nghiệp, tuy không đạt kế hoạch chỉ tiêu lợi nhuận đề ra, nhưng vẫn đảm bảo sự phát triển bền vững của đơn vị, vẫn duy trì chỉ tiêu lợi nhuận.

- Kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 của Công ty thông qua theo báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán như sau:

*Đơn vị: nghìn đồng*

Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ thực hiện KH (%)
1. Tổng doanh thu	172.765.454	94.831.087	54,89%
2. Tổng lợi nhuận sau thuế	3.126.000	782.327	25,02%
3. Chi trả cổ tức	2.400.000	0	0%
4. Số lượng CBCNV bình quân	212	191	90,09%

Về công tác tài chính: Trong năm 2019, Do việc biến động về nhân sự lãnh đạo tại Tổng Công ty viễn thông Mobifone (liên quan vụ án AVG) nên công ty không hoàn thành kế hoạch được giao, nhiều hợp đồng đã ký với nhưng chưa thực hiện được, nên chưa thể ghi nhận doanh thu trong năm 2019.

Qua phân tích, đánh giá việc chưa hoàn thành kế hoạch của đơn vị trong năm 2019 chủ yếu là do việc các đơn vị đối tác, nhất là Tập đoàn VNPT cắt giảm chi phí, định mức công việc thấp nên đã ảnh hưởng lớn đến chỉ tiêu lợi nhuận từ các hợp đồng (Nhất là các hợp đồng xây lắp, lắp đặt Viễn thông).

#### IV. Thẩm định Báo cáo tài chính năm 2019:

##### 1. Công tác lập và kiểm toán Báo cáo tài chính:

- Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty mẹ và hợp nhất được lập theo các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

- Các Báo cáo tài chính năm 2019 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C là đơn vị đã được UBCK Nhà nước chấp thuận kiểm toán các công ty niêm yết.

- Do Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh không có báo cáo kết quả SXKD, không có hồ sơ và chứng từ tài chính. Vì vậy, vấn đề này cũng như báo cáo của Ban Kiểm soát các năm 2014, 2015, 2016, 2017, 2018 và trong báo cáo của năm 2019 Ban Kiểm soát cũng vẫn bảo lưu ý kiến không thể kiểm tra được tính trung thực và hợp lý về số liệu của Chi nhánh này trong các Báo cáo tài chính Công ty.

##### 2. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019:

Đơn vị: nghìn đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2018	Kế hoạch 2019	Thực hiện 2019	TH/KH 2019	TH 2019/TH 2018
1. Tổng doanh thu	125.041.673	172.765.454	94.831.087	54,89%	75,84%
2. Tổng lợi nhuận sau thuế	2.625.251	3.126.000	782.327	25,02%	29,80%
3. Cổ tức	1.876.800	2.400.000	0	0%	0%
4. Số lượng lao động	138	212	191	90,09%	138,40%

Qua các số liệu trên cho thấy: nhìn chung năm 2019 Công ty chưa hoàn thành kế hoạch được giao. Đối với chỉ tiêu doanh thu Công ty thực hiện đạt 54,89% kế hoạch, chỉ tiêu lợi nhuận đạt 25,02% kế hoạch. So với năm 2018 doanh thu và lợi nhuận của Công ty năm 2019 đều giảm. Doanh thu 2019 giảm 30,21 tỷ so với năm 2018, chỉ tiêu lợi nhuận

chỉ giảm 1 tỷ 843 triệu đồng. Công ty cũng chưa thực hiện việc chi trả cổ tức năm 2018 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

### 3. Tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2019:

#### 3.1 Các chỉ tiêu phân tích tài chính:

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2019	Năm 2018
<b>1. Cơ cấu tài sản:</b>			
- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	16,70	21,13
- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	83,30	79,87
<b>2. Cơ cấu vốn:</b>			
- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	64,73	60,66
- Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	35,27	39,34
<b>3. Khả năng thanh toán:</b>			
- Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,97	1,07
- Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	1,29	1,33
<b>4. Tỷ suất sinh lời:</b>			
- Lợi nhuận TT/Doanh thu thuần	%	0,94	2,43
- Lợi nhuận TT/Vốn chủ sở hữu	%	1,87	6,35

#### 3.2 Nhận xét, đánh giá:

- Công ty vẫn có đủ khả năng thanh toán nợ đến hạn.
- Tỷ suất sinh lời của Công ty năm 2019 giảm so với năm 2018. Vì vậy Ban lãnh đạo Công ty phải xem xét, tính toán tiếp tục tìm kiếm các hợp đồng dịch vụ không cần giá trị cao, nhưng đảm bảo chỉ tiêu hiệu quả, sinh lời.

#### V. Kiến nghị:

- Bảo lưu ý kiến, đề nghị Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty có các biện pháp kiên quyết, tích cực, mạnh mẽ hơn, phối hợp tốt với các cơ quan thực thi Pháp luật, các cơ quan hữu quan xử lý dứt điểm các hậu quả tồn đọng trong việc giải thể Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, nhất là công nợ, tài sản, hồ sơ chứng từ, báo cáo tài chính. Để trong thời gian sớm nhất có thể giải thể được Chi nhánh này. Vấn đề này đã được Ban Kiểm soát nêu trong báo cáo các năm 2015, 2016, 2017 và 2018, thời gian ngừng hoạt động của Chi nhánh này quá lâu (đã hơn 6 năm), đề nghị Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty lưu tâm, có biện pháp quyết liệt để xử lý dứt điểm.

- Đối với Cơ sở Nhà 21 Đồng Nhân và cơ sở 164 Nguyễn Văn Cừ, ban kiểm soát đề nghị Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty tiếp tục tìm kiếm các giải pháp tích cực để hoàn tất thủ tục cấp sổ đỏ cho vị trí đất đai 21 Đồng Nhân và hoàn thiện thủ tục chuyển quyền sử dụng đối với cơ sở 164 Nguyễn Văn Cừ.

- Đề nghị Công ty có các biện pháp tích cực, phối hợp với các cơ quan chức năng của Nhà nước để hoàn thiện thủ tục chuyển quyền sử dụng đất đối với trụ sở làm việc của Chi nhánh Cần Thơ, nhanh chóng hoàn thiện thủ tục tăng tài sản, trích khấu hao, thu hồi vốn.

- Trong năm 2019, Ban Giám đốc Công ty đã cố gắng, nỗ lực trong công tác thu hồi công nợ phát sinh các năm trước, số phát sinh nợ năm 2019 tuy có giảm so với năm 2018 nhưng giá trị cũng không nhỏ, đề nghị Ban Giám đốc Công ty phát huy, tiếp tục có

những biện pháp tích cực thu hồi công nợ, để tăng vốn SXKD, giảm chi phí đi vay và trả lãi vay.

- Như đã nêu ở phần nhận xét đánh giá năm 2019: các đơn vị chủ dịch vụ luôn đưa ra nhiều biện pháp cắt giảm chi phí, đây chính là nguyên nhân chủ yếu ảnh hưởng chỉ tiêu lợi nhuận của TST tăng không tương xứng với chỉ tiêu doanh thu. Trong năm qua, Ban lãnh đạo Công ty đã có các biện pháp tích cực mở rộng các dịch vụ gia tăng trong lĩnh vực viễn thông, cũng như nhiều lĩnh vực khác để tăng doanh thu tìm kiếm lợi nhuận. Đề nghị Hội đồng quản trị chỉ đạo ban Tổng giám đốc điều hành cân nhắc, tính toán kỹ lưỡng, phân tích các yếu tố ảnh hưởng, những rủi ro... trước khi ký thực hiện, làm sao ngoài việc duy trì hoạt động, nhưng mục tiêu quan trọng và hàng đầu vẫn là lợi nhuận.

- Năm 2020, do ảnh hưởng của dịch bệnh toàn cầu Covid-19, sẽ tác động rất lớn đến tình hình SXKD của tất cả các ngành nghề trên toàn quốc, trong đó Công ty TST cũng sẽ chịu ảnh hưởng không nhỏ. Đề nghị Hội đồng quản trị và Ban giám đốc Công ty phân tích kỹ lưỡng tình hình biến động của dịch bệnh để xây dựng kế hoạch SXKD phù hợp, có các chiến lược phù hợp trong từng giai đoạn để có thể biến các rủi ro thành cơ hội để phát triển, tiếp tục chỉ đạo nghiên cứu thị trường để phát triển các loại hình sản phẩm dịch vụ mới, mở rộng thị trường đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững của Công ty.


Trên đây là báo cáo của Ban Kiểm soát trong quá trình thực hiện nhiệm vụ năm 2019, xin ý kiến đóng góp của các Quý cổ đông.

Xin chúc Quý cổ đông của Công ty mạnh khỏe, thành đạt và hạnh phúc.  
Xin trân trọng cảm ơn!

**BAN KIỂM SOÁT**

**Nơi nhận:**

- + Như trên;
- + HĐQT;
- + Các thành viên BKS;
- + Ban TGD Công ty;
- + Lưu: VT Công ty.

  
Nguyễn Ngọc Quân



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2019

**CÔNG TY CỔ PHẦN**  
**DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG**

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG**

**MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2-3
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	4-5
4. Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2019	6-9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	11-12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	13-37

\*\*\*\*\*



## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

#### Khái quát về Công ty

Công ty là Công ty Cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101334129, đăng ký lần đầu ngày 07 tháng 8 năm 2000 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 16 lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp về việc thay đổi tên công ty, ngành nghề kinh doanh và vốn điều lệ. Trong đó, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 16 ngày 30 tháng 8 năm 2019 về việc thay đổi ngành nghề kinh doanh.

#### Trụ sở chính:

- Địa chỉ : Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
- Điện thoại : 0243 736 69 84
- Fax : 0243 568 22 40

#### Hoạt động kinh doanh của Công ty :

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác.
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp.
- Cho thuê máy móc, thiết bị bưu chính viễn thông, điện, điện tử, tin học.

#### Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

#### Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ Tái bổ nhiệm/ Miễn nhiệm
Ông Đặng Đức Khôi	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 12 tháng 6 năm 2019
Ông Phan Sỹ Kiên	Phó Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 12 tháng 6 năm 2019
Ông Đặng Quang Trung	Ủy viên	Tái bổ nhiệm ngày 12 tháng 6 năm 2019
Ông Nguyễn Thanh Hải	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 12 tháng 6 năm 2019
Ông Lê Anh Toàn	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 12 tháng 6 năm 2019
Ông Nguyễn Văn Minh	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 12 tháng 6 năm 2019
Ông Cao Hồng Việt	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 12 tháng 6 năm 2019

#### Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/Tái bổ nhiệm/ Miễn nhiệm
Ông Nguyễn Ngọc Quân	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 12 tháng 6 năm 2019
Bà Nguyễn Thị Thu Hiền	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 12 tháng 6 năm 2019
Ông Phạm Nhật Quang	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 12 tháng 6 năm 2019
Bà Phan Thị Phương Dung	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 12 tháng 6 năm 2019

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG**  
**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

**Ban Tổng Giám đốc**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày tái bổ nhiệm
Ông Phan Sỹ Kiên	Tổng Giám đốc	Ngày 12 tháng 6 năm 2019
Ông Lê Anh Toàn	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 12 tháng 6 năm 2019
Ông Đặng Quang Trung	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 12 tháng 6 năm 2019

**Đại diện pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Phan Sỹ Kiên – Tổng Giám đốc (Tái bổ nhiệm ngày 12 tháng 06 năm 2019).

**Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp.
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro cơ sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

**Phê duyệt Báo cáo tài chính**

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm. Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

Tổng Giám đốc



Phan Sỹ Kiên

Ngày 22 tháng 3 năm 2020

**A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**

www.a-c.com.vn

Head Office	: 02 Trương Sơn St., Tân Bình Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam Tel: +84 (028) 3547 2972 Fax: +84 (028) 3547 2970	kttv@a-c.com.vn
Branch in Hà Nội	: 40 Giảng Võ St., Đống Đa Dist., Hà Nội City, Vietnam Tel: +84 (024) 3736 7879 Fax: +84 (024) 3736 7869	kttv.hn@a-c.com.vn
Branch in Nha Trang	: Lot STH 06A.01, Le Hong Phong II Urban Area, Phước Hải Ward, Nha Trang City, Vietnam Tel: +84 (0258) 246 5151 Fax: +84 (0258) 246 5806	kttv.nt@a-c.com.vn
Branch in Cần Thơ	: 15-13 Võ Nguyên Giáp St., Cái Răng Dist., Cần Thơ City, Vietnam Tel: +84 (0292) 376 4995 Fax: +84 (0292) 376 4996	kttv.ct@a-c.com.vn



Số: 2.0207/20/TC-AC

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 22 tháng 3 năm 2020, từ trang 06 đến trang 37, bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

**Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

- Chi nhánh Công ty tại thành phố Hồ Chí Minh ("Chi nhánh") đã giải thể ngày 26 tháng 3 năm 2013, tuy nhiên, số liệu liên quan đến tài sản, các khoản nợ phải thu, nợ phải trả của Chi nhánh vẫn được cộng hợp và thể hiện trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của toàn Công ty, cụ thể:

Khoản mục	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu khách hàng	V.3	1.277.165.908	1.277.165.908
Phải thu khác	V.5a	12.753.473.404	12.753.473.404
Hàng tồn kho	V.8	1.327.799.572	1.327.799.572
Tài sản khác		177.418.736	177.418.736
<b>Cộng</b>		<b>15.535.857.620</b>	<b>15.535.857.620</b>
Phải trả người bán	V.13	2.807.326.139	2.807.326.139
Chi phí phải trả	V.16	6.253.418.069	6.253.418.069
Phải trả khác	V.18a	1.990.198.309	1.990.198.309
<b>Cộng</b>		<b>11.050.942.517</b>	<b>11.050.942.517</b>

Công ty chưa thực hiện rà soát, đối chiếu các số liệu có liên quan của Chi nhánh để xác định và ghi nhận phù hợp giá trị tài sản, nợ phải thu có thể thu hồi và nghĩa vụ nợ phải trả, cũng như đánh giá và ghi nhận các khoản tổn thất tài sản (nếu có). Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để đánh giá ảnh hưởng của các vấn đề nêu trên đến báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

- Công ty chưa thực hiện xuất hóa đơn Giá trị gia tăng đối với một số khoản doanh thu ghi nhận trong năm, tương ứng với nghĩa vụ thuế Giá trị gia tăng chưa được phản ánh là 1.357.310.106 VND.

**Ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Chi nhánh Hà Nội



Nguyễn Hoàng Đức - Giám đốc  
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0368-2018-008-1

Hà Nội, ngày 23 tháng 3 năm 2020



Trần Anh Tuấn - Kiểm toán viên  
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1708-2018-008-1

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG**

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>174.119.331.748</b>	<b>166.358.110.857</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>6.080.362.690</b>	<b>2.777.753.117</b>
1. Tiền	111		6.080.362.690	2.777.753.117
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>126.304.149.113</b>	<b>140.458.470.651</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	80.937.274.837	98.373.783.765
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	1.069.903.854	750.856.604
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	50.196.808.816	47.221.138.046
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(6.036.006.195)	(6.023.475.565)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	V.7	136.167.801	136.167.801
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>40.876.025.172</b>	<b>22.489.097.398</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.8	43.141.179.310	24.292.251.536
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.8	(2.265.154.138)	(1.803.154.138)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>858.794.773</b>	<b>632.789.691</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	300.859.979	86.553.726
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		7.779.425	7.779.425
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15	550.155.369	538.456.540
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG**

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)**

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>54.159.681.512</b>	<b>58.194.725.449</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>65.375.000</b>	<b>65.375.000</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	65.375.000	65.375.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>23.599.413.166</b>	<b>24.972.881.056</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	3.590.925.348	4.955.393.238
<i>Nguyên giá</i>	222		41.447.077.471	46.417.149.095
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(37.856.152.123)	(41.461.755.857)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	20.008.487.818	20.017.487.818
<i>Nguyên giá</i>	228		20.199.237.818	20.199.237.818
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(190.750.000)	(181.750.000)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>1.054.313.636</b>	<b>1.054.313.636</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	1.054.313.636	1.054.313.636
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.2</b>	<b>29.440.579.710</b>	<b>30.400.000.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		15.300.000.000	15.300.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		14.140.000.000	14.140.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		4.930.579.710	5.890.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(4.930.000.000)	(4.930.000.000)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		-	<b>1.702.155.757</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	-	1.702.155.757
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>228.279.013.260</b>	<b>224.552.836.306</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>147.227.966.239</b>	<b>142.652.209.802</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>146.955.654.739</b>	<b>142.014.350.702</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	48.429.008.194	52.211.971.930
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	1.023.315.632	797.691.127
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	2.345.907.909	3.449.935.297
4. Phải trả người lao động	314		2.807.576.673	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	28.469.219.114	24.212.578.200
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.17	138.000.000	138.000.000
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18a	25.712.158.892	25.300.906.523
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19a	38.030.468.325	35.903.267.625
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>272.311.500</b>	<b>637.859.100</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.18b	120.000.000	120.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.19b	152.311.500	517.859.100
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG**

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>81.051.047.021</b>	<b>81.900.626.504</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.20</b>	<b>81.051.047.021</b>	<b>81.900.626.504</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		48.000.000.000	48.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		48.000.000.000	48.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		32.663.796.276	32.663.796.276
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		100.057.499	100.057.499
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		36.614.084	36.614.084
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		250.579.162	1.100.158.645
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		-	1.100.158.645
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		250.579.162	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>228.279.013.260</b>	<b>224.552.836.306</b>

Lập, ngày 22 tháng 3 năm 2020

Người lập biểu



Son Hồng Sơn

Kế toán trưởng



Trần Trung Hiếu

Tổng Giám đốc



Phan Sỹ Kiên

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG**

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

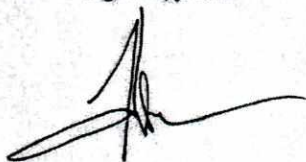
**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

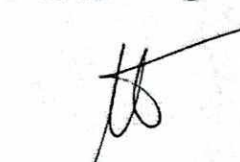
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	64.177.731.262	113.058.084.913
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		64.177.731.262	113.058.084.913
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	55.139.145.804	95.148.726.981
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		9.038.585.458	17.909.357.932
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	3.635.466.533	207.661.473
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	3.041.437.497	3.340.091.901
Trong đó: chi phí lãi vay	23		3.041.437.497	3.267.204.353
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	1.896.834.170	2.003.023.718
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	7.807.868.760	10.317.202.355
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(72.088.436)	2.456.701.431
11. Thu nhập khác	31	VI.7	402.252.086	118.312.568
12. Chi phí khác	32	VI.8	79.584.488	610.119.480
13. Lợi nhuận khác	40		322.667.598	(491.806.912)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		250.579.162	1.964.894.519
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.15	-	375.134.927
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>250.579.162</u>	<u>1.589.759.592</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	-	-
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9	-	-

Người lập biểu



Sơn Hồng Sơn

Kế toán trưởng



Trần Trung Hiếu

Lập, ngày 22 tháng 3 năm 2020

Tổng Giám đốc



Phan Sỹ Kiên

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG**

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Năm nay	
		Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	250.579.162	1.964.894.519
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02 V.10, 11	1.373.467.890	1.475.991.187
- Các khoản dự phòng:	03	474.530.630	758.446.386
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04 VI.4	-	72.887.548
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05 VI.3	(3.950.874.894)	(198.720.000)
- Chi phí lãi vay	06 VI.4	3.041.437.497	3.267.204.353
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	1.189.140.285	7.340.703.993
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	14.266.259.880	19.754.747.914
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(18.848.927.774)	(4.452.391.097)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	1.921.977.933	(10.652.375.684)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	1.487.849.504	(448.807.911)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(2.985.757.497)	(3.267.204.353)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(336.935.528)	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	-	(55.714.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(3.306.393.197)</b>	<b>8.218.958.862</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(650.019.325)	(148.200.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	986.571.866	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	3.883.535.030	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	696.672.583	198.720.000
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>4.916.760.154</b>	<b>50.520.000</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Năm nay		Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-	
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-	
3. Tiền thu từ đi vay	33 V.19	70.151.739.584	78.535.016.503	
4. Tiền trả nợ gốc vay	34 V.19	(68.390.086.484)	(87.850.279.222)	
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-	
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(69.410.484)	(1.743.821.272)	
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	<u>1.692.242.616</u>	<u>(11.059.083.991)</u>	
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	3.302.609.573	(2.789.605.129)	
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60 V.1	2.777.753.117	5.567.358.246	
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-	
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70 V.1	<u>6.080.362.690</u>	<u>2.777.753.117</u>	

Lập, ngày 22 tháng 3 năm 2020

Người lập biểu

Sơn Hồng Sơn

Kế toán trưởng

Trần Trung Hiếu

Tổng Giám đốc



Phan Sỹ Kiên



## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội.

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông (sau đây gọi tắt là "Công ty") là Công ty Cổ phần.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là xây dựng và lắp đặt.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác.
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp.
- Cho thuê máy móc, thiết bị bưu chính viễn thông, điện, điện tử, tin học.

#### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

#### 5. Cấu trúc Công ty

##### *Công ty con*

Công ty chỉ đầu tư vào Công ty con là Công ty Cổ phần Công nghệ HTSV Việt Nam (tên gọi cũ: Công ty Cổ phần Huawei – TST Việt Nam) có trụ sở chính tại 164 Nguyễn Văn Cừ, phường Bồ Đề, quận Long Biên, thành phố Hà Nội. Hoạt động kinh doanh chính của công ty con này là sản xuất các loại sợi cáp quang, sản xuất và kinh doanh các loại phụ kiện thiết bị đồng bộ kèm theo các loại cáp quang, các thiết bị vật tư, nguyên liệu chuyên ngành viễn thông, truyền hình, công nghệ thông tin, điện tử tin học dân dụng, công nghiệp và điều khiển tự động. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty con là 50,54%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích tương đương với tỷ lệ vốn góp.

##### *Công ty liên kết*

Công ty chỉ đầu tư vào Công ty Cổ phần Cáp quang Việt Nam Vina – OFC có trụ sở chính tại Dốc Vân, xã Yên Viên, huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội. Hoạt động kinh doanh chính của công ty liên kết này là sản xuất thiết bị điện và dịch vụ đo kiểm cáp quang. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty liên kết này là 25%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ phần sở hữu tương đương với tỷ lệ vốn góp.

##### *Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc*

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông tại Thành phố Đà Nẵng	855 Nguyễn Hữu Thọ, 667 phường Khê Trung, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông tại Thành phố Cần Thơ	42 Quang Trung, khu đô thị Phú An, phường Phú Thứ, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông – Xí nghiệp Bảo dưỡng – Đo kiểm	Số 164 phố Nguyễn Văn Cừ, phường Bồ Đề, quận Long Biên, thành phố Hà Nội
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông – Xí nghiệp Xây lắp số 1	Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

## **CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG**

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội.

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông tại Thành phố Hồ Chí Minh (đã giải thể ngày 26 tháng 3 năm 2013)	196/3 Cộng Hòa, phường 12, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh

- 6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**  
Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.
- 7. Nhân viên**  
Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 177 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 117 nhân viên).

## **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

- 1. Năm tài chính**  
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**  
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

## **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

- 1. Chế độ kế toán áp dụng**  
Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.
- 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**  
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

## **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

- 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**  
Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG**

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội.

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

---

#### **2. Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Quân đội (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

#### **3. Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

#### **4. Các khoản đầu tư tài chính**

*Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết*

*Công ty con*

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

*Công ty liên kết*

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

*Ghi nhận ban đầu*

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.



## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội.

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

#### *Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết*

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại công ty con, công ty liên kết.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

#### *Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác*

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của đơn vị được đầu tư, với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại đơn vị và vốn chủ sở hữu thực có tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại đơn vị đó.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

## 5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội.

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

#### 6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí tập hợp cho các công trình dở dang.

Giá xuất của hàng tồn kho được tính theo phương pháp giá đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

#### 7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là chi phí Công cụ dụng cụ và chi phí sửa chữa tài sản cố định. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

##### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

##### *Chi phí sửa chữa tài sản cố định*

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

#### 8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội.

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 12
Máy móc và thiết bị	2 - 7
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	3 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	2 - 6

#### 9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

##### Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không tính khấu hao.

##### Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 đến 05 năm.

#### 10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

#### 11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.

## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội.

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

#### 12. Vốn chủ sở hữu

##### *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

##### *Thặng dư vốn cổ phần*

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

#### 13. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

#### 14. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

##### *Doanh thu bán hàng hóa*

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hoá đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN  
VIỄN THÔNG

## **CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG**

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội.

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

#### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

#### ***Tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

#### ***Cổ tức và lợi nhuận được chia***

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

### **15. Hợp đồng xây dựng**

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG**

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội.

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

---

#### **16. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

#### **17. Các khoản chi phí**

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

#### **18. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

#### **19. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

#### **20. Báo cáo theo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty.

## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội.

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

#### V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

##### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	79.143.652	96.562.456
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	6.001.219.038	2.681.190.661
Cộng	<u>6.080.362.690</u>	<u>2.777.753.117</u>

##### 2. Các khoản đầu tư tài chính

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Đầu tư vào công ty con</i>	<i>15.300.000.000</i>	-	<i>15.300.000.000</i>	-
Công ty Cổ phần Công nghệ HTSV Việt Nam <sup>(i)</sup>	15.300.000.000	-	15.300.000.000	-
<i>Đầu tư vào công ty liên kết</i>	<i>14.140.000.000</i>	-	<i>14.140.000.000</i>	-
Công ty Cổ phần Cấp quang Việt Nam Vina - OFC <sup>(ii)</sup>	14.140.000.000	-	14.140.000.000	-
<i>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</i>	<i>4.930.579.710 (4.930.000.000)</i>	-	<i>5.890.000.000 (4.930.000.000)</i>	-
Công ty Cổ phần Công nghệ Cấp quang và Thiết bị Bưu điện Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật MobiFone <sup>(iii)</sup>	4.930.000.000 (4.930.000.000)	-	4.930.000.000 (4.930.000.000)	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật MobiFone <sup>(iii)</sup>	579.710	-	960.000.000	-
Cộng	<u>34.370.579.710 (4.930.000.000)</u>	-	<u>35.330.000.000 (4.930.000.000)</u>	-

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0102370063 ngày 18 tháng 7 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Công nghệ HTSV Việt Nam (trước là "Công ty Cổ phần Huawei - TST Việt Nam") 15.300.000.000 VND, tương đương 50,54% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư đủ theo đăng ký.

(ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100113423 ngày 27 tháng 6 năm 2014 do Sở Kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Cấp quang Việt Nam Vina - OFC 25% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã góp đủ vốn vào Công ty Cổ phần Cấp quang Việt Nam Vina - OFC theo đăng ký.

(iii) Trong năm Công ty đã bán 132.400 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật MobiFone với giá bán là 3.899.180.000 VND. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty nắm giữ 80 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật MobiFone (số đầu năm là 132.480 cổ phiếu).

##### Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

##### Tình hình hoạt động của công ty con và công ty liên kết

Các công ty con và công ty liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

##### Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Trong năm, Công ty không phát sinh trích lập, hoàn nhập dự phòng các khoản đầu tư.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG**

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội.

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)***Giao dịch với các công ty con và công ty liên kết*

	<u>Năm nay</u>
<b>Công ty Cổ phần Cấp quang Việt Nam Vina – OFC (Vina – OFC)</b>	
Vina – OFC Chia cổ tức	696.672.583
Mua vật tư từ Vina – OFC (chưa thuế GTGT)	5.720.938.000
Thanh toán tiền mua vật tư cho Vina – OFC	3.424.098.252
Đối trừ tiền cổ tức phải thu và tiền mua vật tư	75.806.501

**3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	<b>145.024.000</b>	<b>145.024.000</b>
Công ty Cổ phần Công nghệ HTSV Việt Nam	145.024.000	145.024.000
<b>Phải thu các khách hàng khác</b>	<b>80.792.250.837</b>	<b>98.228.759.765</b>
Trung tâm Đo kiểm Sửa chữa Viễn thông		
MobiFone- Chi nhánh Tổng Công ty Viễn thông	5.576.114.221	-
MobiFone		
Công ty Cổ phần Cokyvina	3.132.165.122	34.244.076.252
Công ty TNHH Ericsson Việt Nam	-	4.360.441.798
Trung tâm Hạ tầng mạng Miền Bắc - Chi nhánh		
Tổng Công ty Hạ tầng mạng	-	5.107.739.120
Trung tâm mạng lưới MobiFone Miền Bắc- Tổng		
Công ty Viễn thông MobiFone	14.335.830.123	3.890.611.882
Các khách hàng tại Chi nhánh Hồ Chí Minh	1.277.165.908	1.277.165.908
Trung tâm mạng lưới MobiFone Miền Trung	5.754.366.472	-
Các khách hàng tại Chi nhánh Hồ Chí Minh	1.277.165.908	1.277.165.908
Các khách hàng khác	50.716.608.991	49.348.724.805
<b>Cộng</b>	<b>80.937.274.837</b>	<b>98.373.783.765</b>

**4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Dịch vụ Công nghệ	-	151.800.000
Công ty Cổ phần EMIN Việt Nam	79.200.000	
Công ty TNHH Một thành viên Convery và		
Construct Hòa Thanh Bình	384.000.000	-
Công ty TNHH Kỹ thuật CTM Việt Nam	130.000.000	-
Các nhà cung cấp khác	476.703.854	599.056.604
<b>Cộng</b>	<b>1.069.903.854</b>	<b>750.856.604</b>

**5. Phải thu khác****5a. Phải thu ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	<b>459.000.000</b>	<b>-</b>	<b>459.000.000</b>	<b>-</b>
Công ty Cổ phần Công nghệ HTSV				
Việt Nam – Tiền cổ tức	459.000.000	-	459.000.000	-
<b>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>49.737.808.816</b>	<b>(5.512.626.280)</b>	<b>46.762.138.046</b>	<b>(5.512.626.280)</b>
Phải thu cán bộ công nhân viên	3.217.959.648	(1.919.569.484)	4.055.320.249	(1.919.569.484)
Tạm ứng	3.702.846.874	-	3.953.311.819	-
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	753.320.950	-	399.851.325	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG**

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội.

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Quỹ phúc lợi chi vượt nguồn	5.748.015.472	-	5.948.387.682	-
Các khoản phải thu tại chi nhánh Hồ Chí Minh	12.753.473.404	-	12.753.473.404	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	23.562.192.468	(3.593.056.796)	19.651.793.567	(3.593.056.796)
<b>Cộng</b>	<b>50.196.808.816</b>	<b>(5.512.626.280)</b>	<b>47.221.138.046</b>	<b>(5.512.626.280)</b>

**5b. Phải thu dài hạn khác**

Là khoản ký quỹ, ký cược dài hạn.

**6. Nợ xấu**

Các khoản nợ xấu có thời gian quá hạn trên 3 năm. Chi tiết như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<i>Các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Các tổ chức và cá nhân khác</i>	<b>6.036.006.195</b>	-	<b>6.023.475.565</b>	-
Ông Nghiêm Xuân Bình - Phải thu tạm ứng công trình	1.145.857.811	-	1.145.857.811	-
Ông Đinh Châu Giang - Phải thu tạm ứng công trình	203.814.768	-	203.814.768	-
Phải thu các cá nhân do chi quá tiền lương của Xí nghiệp Tư vấn Thiết kế đã giải thể	1.499.798.702	-	1.499.798.702	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	3.186.534.914	-	3.174.004.284	-
<b>Cộng</b>	<b>6.036.006.195</b>	<b>-</b>	<b>6.023.475.565</b>	<b>-</b>

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	6.023.475.565	5.728.129.179
Trích lập dự phòng bổ sung	12.530.630	295.346.386
Hoàn nhập dự phòng	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>6.036.006.195</b>	<b>6.023.475.565</b>

**7. Tài sản thiếu chờ xử lý**

Là hàng tồn kho thiếu chờ xử lý tại Chi nhánh Cần Thơ.

**8. Hàng tồn kho**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	7.629.381.380	(2.265.154.138)	6.009.358.674	(1.803.154.138)
Công cụ, dụng cụ	38.206.400	-	38.206.400	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	33.394.551.354	-	16.165.646.286	-
Hàng tồn kho tại Chi nhánh Hồ Chí Minh	1.327.799.572	-	1.327.799.572	-
Hàng hóa	751.240.604	-	751.240.604	-
<b>Cộng</b>	<b>43.141.179.310</b>	<b>(2.265.154.138)</b>	<b>24.292.251.536</b>	<b>(1.803.154.138)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG**

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội.

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	1.803.154.138	1.340.054.138
Trích lập dự phòng bổ sung	462.000.000	463.100.000
Hoàn nhập dự phòng	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>2.265.154.138</b>	<b>1.803.154.138</b>

**9. Chi phí trả trước****9a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí bảo hiểm	55.709.776	86.553.726
Chi phí công cụ dụng cụ	180.674.362	-
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	64.475.841	-
<b>Cộng</b>	<b>300.859.979</b>	<b>86.553.726</b>

**9b. Chi phí trả trước dài hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí giải thể các chi nhánh	-	859.233.551
Chi phí sửa chữa	-	764.442.836
Các chi phí trả trước dài hạn khác	-	78.479.370
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>1.702.155.757</b>

**10. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	11.848.400.004	23.731.620.044	10.037.178.277	799.950.770	46.417.149.095
Mua trong năm	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	(3.907.137.209)	(583.207.597)	(479.726.818)	-	(4.970.071.624)
<b>Số cuối năm</b>	<b>7.941.262.795</b>	<b>23.148.412.447</b>	<b>9.557.451.459</b>	<b>799.950.770</b>	<b>41.447.077.471</b>
<b>Trong đó:</b>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	10.342.330.055	21.378.661.039	3.977.000.277	491.618.952	36.189.610.323
Chờ thanh lý					
<b>Giá trị hao mòn</b>					
Số đầu năm	11.704.748.854	22.450.244.696	6.588.180.628	718.581.678	41.461.755.857
Khấu hao trong năm	143.651.150	405.588.534	745.321.716	69.906.490	1.364.467.890
Thanh lý, nhượng bán	(3.907.137.209)	(583.207.597)	(479.726.818)	-	(4.970.071.624)
<b>Số cuối năm</b>	<b>7.941.262.795</b>	<b>22.272.625.633</b>	<b>6.853.775.526</b>	<b>788.488.168</b>	<b>37.856.152.123</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	143.651.150	1.281.375.348	3.448.997.649	81.369.092	4.955.393.238
Số cuối năm	-	875.786.814	2.703.675.933	11.462.602	3.590.925.348
<b>Trong đó:</b>					
Tạm thời chưa sử dụng					
Đang chờ thanh lý					

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG**

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội.

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 2.724.506.342 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các Ngân hàng (xem thuyết minh số 19a).

**11. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất (*)	Chương trình phần mềm	Cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	19.994.237.818	205.000.000	20.199.237.818
Số cuối năm	19.994.237.818	205.000.000	20.199.237.818
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng		160.000.000	160.000.000
<b>Giá trị hao mòn</b>			
Số đầu năm	-	181.750.000	181.750.000
Khấu hao trong năm	-	9.000.000	9.000.000
Số cuối năm	-	190.750.000	190.750.000
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	19.994.237.818	23.250.000	20.017.487.818
Số cuối năm	19.994.237.818	14.250.000	20.008.487.818

*Trong đó:*

Tạm thời không sử dụng

Đang chờ thanh lý

(\*) Là quyền sử dụng đất 245,4 m<sup>2</sup> tại số 4A, 4B, 4C Vương Thừa Vũ, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, không xác định thời hạn nên không trích khấu hao. Quyền sử dụng đất này được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Ba Đình và Ngân hàng TMCP Tiên Phong – Chi nhánh Thanh Xuân (xem thuyết minh số V19a).

**12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Là chi phí xây dựng công trình trụ sở Chi nhánh Cần Thơ.

**13. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	4.385.482.640	1.592.355.593
Công ty Cổ phần Cấp quang Việt Nam VINA-OFC	4.385.482.640	1.592.355.593
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	44.043.525.554	50.619.616.337
Công ty TNHH ZTE HK (VIETNAM)	22.108.294.429	35.886.296.929
ZTE Corporation	3.617.239.927	3.613.338.676
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật MobiFone	1.458.915.930	-
Các nhà cung cấp của Chi nhánh Hồ Chí Minh	2.807.326.139	2.807.326.139
Các nhà cung cấp khác	14.051.749.129	8.312.654.593
<b>Cộng</b>	<b>48.429.008.194</b>	<b>52.211.971.930</b>

**14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>	111.204.869	111.204.869
Công ty Cổ phần Công nghệ HTSV Việt Nam	111.204.869	111.204.869
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	912.110.763	686.486.258
Công ty Cổ phần ZTE-Cambodia	144.443.549	-
Các khách hàng khác	767.667.214	686.486.258
<b>Cộng</b>	<b>1.023.315.632</b>	<b>797.691.127</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội.

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

#### 15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	2.999.415.118	142.038.641	2.090.436.350	(2.852.852.914)	2.241.839.081	146.879.168
Thuế thu nhập doanh nghiệp	350.961.597	-	-	(336.935.528)	14.026.069	-
Thuế thu nhập cá nhân	99.558.582	497.262	120.616.878	(136.991.003)	90.042.759	7.355.564
Các loại thuế khác	-	395.920.637	5.000.000	(5.000.000)	-	395.920.637
<b>Cộng</b>	<b>3.449.935.297</b>	<b>538.456.540</b>	<b>2.216.053.228</b>	<b>(3.331.779.445)</b>	<b>2.345.907.909</b>	<b>550.155.369</b>

#### *Thuế giá trị gia tăng*

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

#### *Thuế xuất, nhập khẩu*

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

#### *Các loại thuế khác*

Công ty kê khai và nộp theo quy định.



## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội.

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

#### Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	250.579.162	1.964.894.519
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	152.612.488	109.500.114
- Các khoản điều chỉnh tăng	152.612.488	109.500.114
Thuế, bảo hiểm bị phạt, bị truy thu	79.584.488	36.472.114
Chi phí khấu hao xe trên 1,6 tỷ đồng	73.028.000	73.028.000
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>403.191.650</b>	<b>2.074.394.633</b>
Thu nhập miễn thuế (cổ tức)	(696.672.583)	(198.720.000)
<b>Thu nhập tính thuế</b>	<b>(293.480.933)</b>	<b>1.875.674.633</b>
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>-</b>	<b>375.134.927</b>

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

#### 16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Giả vốn trích trước	22.098.165.045	17.697.543.579
Chi phí lãi vay phải trả	55.680.000	-
Chi phí phải trả tại Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	6.253.418.069	6.253.418.069
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	61.956.000	261.616.552
<b>Cộng</b>	<b>28.469.219.114</b>	<b>24.212.578.200</b>

#### 17. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

Là doanh thu chưa thực hiện của hoạt động cho thuê nhà.

#### 18. Phải trả khác

##### 18a. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>25.712.158.892</b>	<b>25.300.906.523</b>
Kinh phí công đoàn	950.568.315	726.291.280
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	1.639.693.058	1.108.564.928
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	110.418.361	110.418.361
Phải trả cán bộ công nhân viên về chi phí thực hiện công trình	16.391.126.136	17.930.402.844
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.907.930.945	1.156.794.429
Phải trả ngắn hạn khác tại Chi nhánh Hồ Chí Minh	1.990.198.309	1.990.198.309
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	2.722.223.768	2.278.236.372
<b>Cộng</b>	<b>25.712.158.892</b>	<b>25.300.906.523</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội.

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

#### 18b. Phát trả dài hạn khác

Là khoản nhận ký quỹ, ký cược dài hạn.

#### 19. Vay

##### 19a. Vay ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Vay ngắn hạn ngân hàng</i>	<i>36.014.920.725</i>	<i>30.732.800.019</i>
Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Ba Đình <sup>(ii)</sup>	20.044.168.026	21.036.135.452
Ngân hàng TMCP Tiên Phong – Chi nhánh Thanh Xuân <sup>(iii)</sup>	15.970.752.699	9.696.664.567
<i>Vay ngắn hạn cá nhân <sup>(i)</sup></i>	<i>1.650.000.000</i>	<i>4.705.000.000</i>
Ông Phạm Văn Khánh	680.000.000	4.705.000.000
Bà Nguyễn Thị Hương Lan	970.000.000	-
<i>Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.19b)</i>	<i>365.547.600</i>	<i>465.467.606</i>
Cộng	<b>38.030.468.325</b>	<b>35.903.267.625</b>

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

- (i) Vay không có tài sản đảm bảo của cá nhân để phục vụ sản xuất kinh doanh với lãi suất 12%/năm.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Ba Đình để phục vụ sản xuất kinh doanh với lãi suất theo từng khế ước, thời hạn vay không quá 9 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất tại số 4B-4C Vương Thừa Vũ, quận Thanh Xuân, Hà Nội.
- (iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Tiên Phong – Chi nhánh Thanh Xuân để phục vụ sản xuất kinh doanh với lãi suất theo từng khế ước, thời hạn vay không quá 9 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất tại số 4A Vương Thừa Vũ, quận Thanh Xuân, Hà Nội.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	30.732.800.019	66.076.739.584	-	(60.794.618.878)	36.014.920.725
Vay ngắn hạn các cá nhân	4.705.000.000	4.075.000.000	-	(7.130.000.000)	1.650.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	465.467.606	-	365.547.600	(465.467.606)	365.547.600
Cộng	<b>35.903.267.625</b>	<b>70.151.739.584</b>	<b>365.547.600</b>	<b>(68.390.086.484)</b>	<b>38.030.468.325</b>

#### 19b. Vay dài hạn

Là khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Ba Đình để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với lãi suất 10,5%/năm, thời hạn vay từ 02 đến 05 năm theo từng khế ước kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Số tiền vay được hoàn trả hàng tháng.

Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội.

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	517.859.100	983.326.706
Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	(365.547.600)	(465.467.606)
Số cuối năm	<u>152.311.500</u>	<u>517.859.100</u>

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	365.547.600	465.467.606
Trên 1 năm đến 5 năm	152.311.500	517.859.100
Cộng	<u>517.859.100</u>	<u>983.326.706</u>

12/31/2019

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG**

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội.

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

**20. Vốn chủ sở hữu****20a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	48.000.000.000	32.663.796.276	100.057.499	36.614.084	1.387.199.053	82.187.666.912
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	1.589.759.592	1.589.759.592
Chi trả thù lao HĐQT, BKS	-	-	-	-	(1.876.800.000)	(1.876.800.000)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>48.000.000.000</b>	<b>32.663.796.276</b>	<b>100.057.499</b>	<b>36.614.084</b>	<b>1.100.158.645</b>	<b>81.900.626.504</b>
Số dư đầu năm nay	48.000.000.000	32.663.796.276	100.057.499	36.614.084	1.100.158.645	81.900.626.504
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	250.579.162	250.579.162
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(200.158.645)	(200.158.645)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(820.547.000)	(820.547.000)
Chi trả thù lao cho HĐQT, BKS	-	-	-	-	(79.453.000)	(79.453.000)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>48.000.000.000</b>	<b>32.663.796.276</b>	<b>100.057.499</b>	<b>36.614.084</b>	<b>250.579.162</b>	<b>81.051.047.021</b>

**20b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam	15.750.000.000	15.750.000.000
Các cổ đông khác	32.250.000.000	32.250.000.000
<b>Cộng</b>	<b>48.000.000.000</b>	<b>48.000.000.000</b>

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp



## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội.

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

#### 20c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.800.000	4.800.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	4.800.000	4.800.000
- Cổ phiếu phổ thông	4.800.000	4.800.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông		
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.800.000	4.800.000
- Cổ phiếu phổ thông	4.800.000	4.800.000
- Cổ phiếu ưu đãi		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

#### 20d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm, Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm tài chính 2018 số 11/NQ-ĐHĐCĐ ngày 12 tháng 06 năm 2019 như sau:

	VND
• Chia cổ tức cho các cổ đông	820.547.000
• Trích thù lao HĐQT và BKS	79.453.000
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	200.158.645

#### 21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán tổng hợp

##### Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm 431,53 USD (số đầu năm là 4.225,74 USD).

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG**

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội.

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)****VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu cung cấp dịch vụ	24.065.294.497	10.911.366.704
Doanh thu hoạt động xây lắp	40.112.436.765	102.146.718.209
<b>Cộng</b>	<b>64.177.731.262</b>	<b>113.058.084.913</b>

**2. Giá vốn hàng bán**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	23.628.988.821	6.970.143.758
Giá vốn của hoạt động xây lắp	31.048.156.983	87.715.483.223
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	462.000.000	463.100.000
<b>Cộng</b>	<b>55.139.145.804</b>	<b>95.148.726.981</b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	11.964.180	8.941.473
Lãi thanh lý khoản đầu tư	2.917.649.770	-
Cổ tức được chia	696.672.583	198.720.000
Doanh thu tài chính khác	9.180.000	-
<b>Cộng</b>	<b>3.635.466.533</b>	<b>207.661.473</b>

**4. Chi phí tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	3.041.437.497	3.267.204.353
Lỗ chênh lệch tỷ giá đo đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	72.887.548
<b>Cộng</b>	<b>3.041.437.497</b>	<b>3.340.091.901</b>

**5. Chi phí bán hàng**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	18.600.000	28.417.914
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.759.421.642	1.746.975.020
Các chi phí khác	118.812.528	227.630.784
<b>Cộng</b>	<b>1.896.834.170</b>	<b>2.003.023.718</b>

**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	2.759.560.832	5.147.750.142
Chi phí đồ dùng văn phòng	147.036.366	365.217.926
Chi phí khấu hao tài sản cố định	420.016.866	455.417.808
Thuế, phí và lệ phí	86.433.638	50.431.671
Dự phòng phải thu khó đòi	12.530.630	295.346.386
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.276.856.682	2.716.037.580
Các chi phí khác	1.105.433.746	1.287.000.842
<b>Cộng</b>	<b>7.807.868.760</b>	<b>10.317.202.355</b>

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp

## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội.

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

#### 7. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	336.552.536	-
Thu nhập từ các khoản được hỗ trợ	30.000.000	90.660.000
Thu nhập khác	35.699.550	27.652.568
<b>Cộng</b>	<b><u>402.252.086</u></b>	<b><u>118.312.568</u></b>

#### 8. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thuế, bảo hiểm bị phạt, bị truy thu	16.764.488	36.472.114
Chi phí thanh lý nguyên vật liệu	-	42.791.894
Phạt vi phạm hợp đồng	62.820.000	525.521.836
Chi phí khác	-	5.333.636
<b>Cộng</b>	<b><u>79.584.488</u></b>	<b><u>610.119.480</u></b>

#### 9. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

#### 10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	46.991.579.392
Chi phí nhân công	2.759.560.832
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.308.831.589
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.460.666.379
Chi phí khác	1.323.210.542
<b>Cộng</b>	<b><u>64.843.848.734</u></b>

## VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

#### 1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các thành viên Ban Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Công ty không phát sinh giao dịch và không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

#### Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt chỉ có lương với tổng tiền lương trong năm là 1.040.084.636 VND (năm trước là 1.046.345.273 VND).

## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội.

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

#### 1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan khác</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Công nghệ HTSV Việt Nam	Công ty con
Công ty Cổ phần Cấp quang Việt Nam Vina – OFC	Công ty liên kết
Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam	Cổ đông lớn

Giao dịch với các bên liên quan khác

Công ty không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.5a và V.14.

#### 2. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau.

#### 2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực dịch vụ: Tối ưu hóa, sửa chữa ứng cứu, bảo dưỡng, tư vấn thiết kế, cho thuê nhà trạm.
- Lĩnh vực xây lắp: lắp đặt các dịch vụ hạ tầng viễn thông

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	<u>Lĩnh vực dịch vụ</u>	<u>Lĩnh vực xây lắp</u>	<u>Cộng</u>
<b>Năm nay</b>			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	24.065.294.497	40.112.436.765	64.177.731.262
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>24.065.294.497</b>	<b>40.112.436.765</b>	<b>64.177.731.262</b>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	436.305.676	8.602.279.782	9.038.585.458
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(9.704.702.930)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			(666.117.472)
Doanh thu hoạt động tài chính			3.635.466.533
Chi phí tài chính			(3.041.437.497)
Thu nhập khác			402.252.086
Chi phí khác			(79.584.488)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>			<b>250.579.162</b>
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác			-
<b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>			<b>3.075.623.647</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG**

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội.

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)****Năm trước**

Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	10.911.366.704	102.146.718.209	113.058.084.913
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10.911.366.704</b>	<b>102.146.718.209</b>	<b>113.058.084.913</b>

Kết quả kinh doanh theo bộ phận	3.941.222.946	13.968.134.986	17.909.357.932
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(12.320.226.073)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			5.589.131.859
Doanh thu hoạt động tài chính			207.661.473
Chi phí tài chính			(3.340.091.901)
Thu nhập khác			118.312.568
Chi phí khác			(610.119.480)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(375.134.927)
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>			<b>1.589.759.592</b>
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		148.200.000	148.200.000
<b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>			<b>1.695.519.324</b>

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực dịch vụ	Lĩnh vực xây lắp	Cộng
<b>Số cuối năm</b>			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	15.211.616.937	98.573.806.160	113.785.423.097
Tài sản phân bổ cho bộ phận			-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			114.493.590.163
<b>Tổng tài sản</b>			<b>228.279.013.260</b>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	3.617.239.927	60.597.585.610	64.214.825.537
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận			-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			83.013.140.702
<b>Tổng nợ phải trả</b>			<b>147.227.966.239</b>
<b>Số đầu năm</b>			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	10.279.726.350	99.758.447.343	110.038.173.693
Tài sản phân bổ cho bộ phận			-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			114.514.662.613
<b>Tổng tài sản</b>			<b>224.552.836.306</b>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	3.613.338.676	71.514.243.352	75.127.582.028
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận			-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			67.524.627.774
<b>Tổng nợ phải trả</b>			<b>142.652.209.802</b>

**2b. Thông tin về khu vực địa lý**

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

 315  
 NHÀ  
 QUẢN LÝ  
 VÀ  
 CHẾ ĐỘ  
 HẠ B  
 A - T

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG**

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội.

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính  
Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính tổng hợp.

Lập, ngày 22 tháng 3 năm 2020

Người lập biểu



Son Hồng Sơn

Kế toán trưởng



Trần Trung Hiếu

Tổng Giám đốc



Phan Sỹ Kiên



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2019

**CÔNG TY CỔ PHẦN**  
**DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG**

**MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 3
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	13 - 39

\*\*\*\*\*





## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty và Công ty con (gọi chung là "Nhóm Công ty").

#### Khái quát về Công ty

Công ty là Công ty Cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101334129, đăng ký lần đầu ngày 07 tháng 8 năm 2000 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 16 lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp về việc thay đổi tên công ty, ngành nghề kinh doanh và vốn điều lệ. Trong đó, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 16 ngày 30 tháng 8 năm 2019 về việc thay đổi thay đổi ngành nghề kinh doanh.

#### Trụ sở chính

- Địa chỉ : Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
- Điện thoại : 0243 736 69 84
- Fax : 0243 568 22 40

#### Hoạt động kinh doanh của Công ty:

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp
- Cho thuê máy móc, thiết bị bưu chính viễn thông, điện, điện tử, tin học.

#### Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

#### Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ Tái bổ nhiệm/ Miễn nhiệm
Ông Đặng Đức Khôi	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 12 tháng 6 năm 2019
Ông Phan Sỹ Kiên	Phó Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 12 tháng 6 năm 2019
Ông Đặng Quang Trung	Ủy viên	Tái bổ nhiệm ngày 12 tháng 6 năm 2019
Ông Nguyễn Thanh Hải	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 12 tháng 6 năm 2019
Ông Lê Anh Toàn	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 12 tháng 6 năm 2019
Ông Nguyễn Văn Minh	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 12 tháng 6 năm 2019
Ông Cao Hồng Việt	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 12 tháng 6 năm 2019

#### Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/Tái bổ nhiệm/ Miễn nhiệm
Ông Nguyễn Ngọc Quân	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 12 tháng 6 năm 2019
Bà Nguyễn Thị Thu Hiền	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 12 tháng 6 năm 2019
Ông Phạm Nhật Quang	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 12 tháng 6 năm 2019
Bà Phan Thị Phương Dung	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 12 tháng 6 năm 2019

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG**  
**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

**Ban Tổng Giám đốc**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày tái bổ nhiệm
Ông Phan Sỹ Kiên	Tổng Giám đốc	Ngày 12 tháng 6 năm 2019
Ông Lê Anh Toàn	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 12 tháng 6 năm 2019
Ông Đặng Quang Trung	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 12 tháng 6 năm 2019

**Đại diện theo pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Phan Sỹ Kiên – Tổng Giám đốc (Tái bổ nhiệm ngày 12 tháng 06 năm 2019).

**Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Nhóm Công ty.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Nhóm Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Nhóm Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

**Phê duyệt Báo cáo tài chính**

Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



Phan Sỹ Kiên

Ngày 22 tháng 3 năm 2020

Head Office	: 02 Trương Sơn St., Tân Bình Dist., Hồ Chí Minh City, Vietnam Tel: +84 (028) 3547 2972 Fax: +84 (028) 3547 2970	kttv@a-c.com.vn
Branch in Hà Nội	: 40 Giảng Võ St., Đống Đa Dist., Hà Nội City, Vietnam Tel: +84 (024) 3736 7879 Fax: +84 (024) 3736 7869	kttv.hn@a-c.com.vn
Branch in Nha Trang	: Lot STH 06A.01, Lê Hồng Phong II Urban Area, Phước Hải Ward, Nha Trang City, Vietnam Tel: +84 (0258) 246 5151 Fax: +84 (0258) 246 5806	kttv.nt@a-c.com.vn
Branch in Cần Thơ	: 15-13 Võ Nguyên Giáp St., Cái Rang Dist., Cần Thơ City, Vietnam Tel: +84 (0292) 376 4995 Fax: +84 (0292) 376 4996	kttv.ct@a-c.com.vn

Số: 2.0209/20/TC-AC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông (sau đây gọi tắt là "Công ty") và Công ty con (gọi chung là "Nhóm Công ty"), được lập ngày 22 tháng 3 năm 2020, từ trang 06 đến trang 39, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

**Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

- Chi nhánh của Công ty mẹ tại thành phố Hồ Chí Minh (“Chi nhánh”) đã giải thể ngày 26 tháng 3 năm 2013, tuy nhiên, số liệu liên quan đến tài sản, các khoản nợ phải thu, nợ phải trả của Chi nhánh vẫn được cộng hợp và thể hiện trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty mẹ. Cụ thể:

Khoản mục	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu khách hàng	V.3	1.277.165.908	1.277.165.908
Phải thu khác	V.5a	12.753.473.404	12.753.473.404
Hàng tồn kho	V.8	1.327.799.572	1.327.799.572
Tài sản khác		177.418.736	177.418.736
<b>Cộng</b>		<b>15.535.857.620</b>	<b>15.535.857.620</b>
Phải trả người bán	V.13	2.807.326.139	2.807.326.139
Chi phí phải trả	V.16	6.253.418.069	6.253.418.069
Phải trả khác	V.18a	1.990.198.309	1.990.198.309
<b>Cộng</b>		<b>11.050.942.517</b>	<b>11.050.942.517</b>

Công ty chưa thực hiện rà soát, đối chiếu các số liệu có liên quan của Chi nhánh để xác định và ghi nhận phù hợp giá trị tài sản, nợ phải thu có thể thu hồi và nghĩa vụ nợ phải trả, cũng như đánh giá và ghi nhận các khoản tổn thất tài sản (nếu có). Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để đánh giá ảnh hưởng của các vấn đề nêu trên đến báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

- Công ty chưa thực hiện xuất hóa đơn Giá trị gia tăng đối với một số khoản doanh thu ghi nhận trong năm, tương ứng với nghĩa vụ thuế Giá trị gia tăng chưa được phản ánh là 1.357.310.106 VND.

**Ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Chi nhánh Hà Nội



Nguyễn Hoàng Đức - Giám đốc  
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0368-2018-008-1  
Hà Nội, ngày 23 tháng 3 năm 2020



Trần Anh Tuấn - Kiểm toán viên  
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1708-2018-008-1

1/03/2020

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG**

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>251.206.119.429</b>	<b>216.634.774.640</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>6.890.805.437</b>	<b>3.533.185.620</b>
1. Tiền	111		6.890.805.437	3.533.185.620
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>180.908.023.731</b>	<b>170.894.262.186</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	131.222.054.641	125.644.443.109
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	2.516.262.404	991.968.087
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	53.069.545.080	50.145.158.754
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(6.036.006.195)	(6.023.475.565)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	V.7	136.167.801	136.167.801
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.8</b>	<b>62.530.128.510</b>	<b>41.562.369.824</b>
1. Hàng tồn kho	141		64.795.282.648	43.365.523.962
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.265.154.138)	(1.803.154.138)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>877.161.751</b>	<b>644.957.010</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	316.136.156	98.721.045
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		7.779.425	7.779.425
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15	553.246.170	538.456.540
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG**

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>50.369.776.747</b>	<b>54.587.491.418</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>65.375.000</b>	<b>65.375.000</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	65.375.000	65.375.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>30.848.124.906</b>	<b>32.608.697.845</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	10.839.637.088	12.591.210.027
<i>Nguyên giá</i>	222		50.797.561.168	55.767.632.792
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(39.957.924.080)	(43.176.422.765)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	20.008.487.818	20.017.487.818
<i>Nguyên giá</i>	228		20.199.237.818	20.199.237.818
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(190.750.000)	(181.750.000)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>1.054.313.636</b>	<b>1.054.313.636</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	1.054.313.636	1.054.313.636
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>18.379.570.216</b>	<b>19.067.562.663</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2a	18.378.990.506	18.107.562.663
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2b	4.930.579.710	5.890.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2b	(4.930.000.000)	(4.930.000.000)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>22.392.989</b>	<b>1.791.542.274</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	22.392.989	1.791.542.274
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>301.575.896.176</b>	<b>271.222.266.058</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG**

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>195.200.351.323</b>	<b>164.528.890.465</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>194.449.239.823</b>	<b>163.109.831.365</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	79.634.318.084	59.975.136.674
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	1.219.270.913	759.767.858
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	2.518.344.544	3.698.774.738
4. Phải trả người lao động	314		4.134.735.764	567.000.000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	28.857.597.799	24.368.806.331
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.17	138.000.000	138.000.000
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18a	30.609.579.387	30.119.678.139
10. Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn	320	V.19a	47.337.393.332	43.482.667.625
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>751.111.500</b>	<b>1.419.059.100</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.18b	120.000.000	120.000.000
8. Vay và nợ thuế tài chính dài hạn	338	V.19b	631.111.500	1.299.059.100
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG**

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>106.375.544.853</b>	<b>106.693.375.593</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.20</b>	<b>106.375.544.853</b>	<b>106.693.375.593</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		48.000.000.000	48.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		48.000.000.000	48.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		32.663.796.276	32.663.796.276
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.591.818.768	1.591.818.768
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		100.242.705	100.242.705
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		6.023.901.786	6.470.483.764
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		5.370.325.119	6.470.483.764
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		653.576.667	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		17.995.785.318	17.867.034.080
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã bình thành tài sản cố định	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>301.575.896.176</b>	<b>271.222.266.058</b>

Lập, ngày 22 tháng 3 năm 2020

Người lập biểu



Sơn Hồng Sơn

Kế toán trưởng



Trần Trung Hiếu

Tổng Giám đốc



Phan Sỹ Kiên



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG**

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

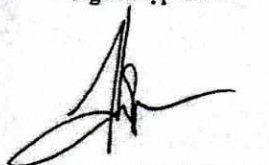
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	94.831.087.214	125.041.673.467
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		94.831.087.214	125.041.673.467
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	83.136.100.584	103.673.293.361
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		11.694.986.630	21.368.380.106
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	3.636.053.893	208.481.213
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	3.868.932.347	3.878.733.248
Trong đó: chi phí lãi vay	23		3.837.066.365	3.791.422.868
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24	V.2a	271.427.843	957.227.138
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	1.986.668.830	2.133.997.173
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	9.209.012.337	12.268.784.894
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		537.854.852	4.252.573.142
12. Thu nhập khác	31	VI.7	402.252.086	118.312.568
13. Chi phí khác	32	VI.8	93.271.800	1.322.594.103
14. Lợi nhuận khác	40		308.980.286	(1.204.281.535)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		846.835.138	3.048.291.607
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.15	64.507.233	423.039.618
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>782.327.905</u>	<u>2.625.251.989</u>
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		<u>653.576.667</u>	<u>2.586.543.039</u>
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		<u>128.751.238</u>	<u>38.708.950</u>
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	<u>136</u>	<u>497</u>
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9	<u>136</u>	<u>497</u>

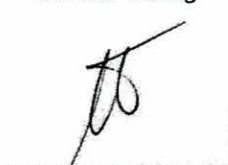
Lập, ngày 22 tháng 3 năm 2020

Người lập biểu



Son Hồng Sơn

Kế toán trưởng



Trần Trung Hiếu

Tổng Giám đốc



Phan Sỹ Kiên

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG**

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh		
		Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	846.835.138	3.048.291.607
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02 V.10, 11	1.760.572.939	1.873.181.491
- Các khoản dự phòng	03	474.530.630	661.222.944
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	34.780	75.549.369
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(3.950.874.894)	(198.720.000)
- Chi phí lãi vay	06 VI.4	3.837.066.365	3.791.422.868
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	2.968.164.958	9.250.948.279
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(10.312.509.648)	20.260.290.766
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(21.429.758.686)	(7.334.778.373)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	26.434.625.906	(11.740.684.425)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	1.551.734.174	(293.080.831)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(3.549.235.811)	(3.635.194.737)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15 V.15	(339.494.073)	(37.000.000)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	-	(479.714.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(4.676.473.180)</b>	<b>5.990.786.679</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(650.019.325)	(148.200.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	986.571.866	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	3.883.535.030	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	696.672.583	198.720.000
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>4.916.760.154</b>	<b>50.520.000</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Năm nay		Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-	
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-	
3. Tiền thu từ đi vay	33 V.19	79.614.482.591	87.562.016.503	
4. Tiền trả nợ gốc vay	34 V.19	(76.427.704.484)	(96.323.695.560)	
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-	
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(69.410.484)	(1.743.821.272)	
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>3.117.367.623</b>	<b>(10.505.500.329)</b>	
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>	<b>3.357.654.597</b>	<b>(4.464.193.650)</b>	
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60 V.1</b>	<b>3.533.185.620</b>	<b>8.000.041.091</b>	
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(34.780)	(2.661.821)	
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70 V.1</b>	<b>6.890.805.437</b>	<b>3.533.185.620</b>	

Người lập biểu

Sơn Hồng Sơn

Kế toán trưởng

Trần Trung Hiếu

Lập, ngày 22 tháng 3 năm 2020

Tổng Giám đốc



Phan Sỹ Kiên

## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông (sau đây gọi tắt là "Công ty" hay "Công ty mẹ") là công ty cổ phần.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là xây dựng và lắp đặt.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty:

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp
- Cho thuê máy móc, thiết bị bưu chính viễn thông, điện, điện tử, tin học.

#### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

#### 5. Cấu trúc Nhóm Công ty

Nhóm Công ty bao gồm Công ty mẹ và 01 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

#### 5a. Công ty con được hợp nhất

Công ty chỉ đầu tư vào công ty con là Công ty Cổ phần Công nghệ HTSV Việt Nam (tên gọi cũ "Công ty Cổ phần Huawei - TST Việt Nam) có trụ sở chính tại 164 Nguyễn Văn Cừ, phường Bồ Đề, quận Long Biên, thành phố Hà Nội. Hoạt động kinh doanh chính của công ty con này là sản xuất các loại sợi cáp quang, sản xuất và kinh doanh các loại phụ kiện thiết bị đồng bộ kèm theo các loại cáp quang, các thiết bị vật tư, nguyên liệu chuyên ngành viễn thông, truyền hình, công nghệ thông tin, điện tử tin học dân dụng, công nghiệp và điều khiển tự động. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty tại công ty con là 50,54% (số đầu năm là 50,54%).

#### 5b. Công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Nhóm Công ty chỉ đầu tư vào công ty liên kết là Công ty Cổ phần Cáp quang Việt Nam VinaCable OFC có trụ sở chính tại Dốc Vân, xã Yên Viên, huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội. Hoạt động kinh doanh chính của công ty liên kết này là sản xuất thiết bị điện và dịch vụ đo kiểm cáp quang. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ phần sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết của nhóm Công ty tại công ty liên kết này là 25% (số đầu năm là 25%).

#### 6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

#### 7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính, có 191 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Nhóm Công ty (số đầu năm là 138 nhân viên).

## **CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG**

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

---

## **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

### **1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Nhóm Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

## **III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Nhóm Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

## **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

### **2. Cơ sở hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Nhóm Công ty thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG**

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Nhóm Công ty, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Nhóm Công ty và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

### **3. Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Nhóm Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Quân đội Việt Nam (Ngân hàng Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Quân đội Việt Nam (Ngân hàng Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch).

### **4. Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG**

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

#### **5. Các khoản đầu tư tài chính**

##### ***Các khoản đầu tư vào công ty liên kết***

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Nhóm Công ty trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không, trừ khi Nhóm Công ty có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Nhóm Công ty thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Nhóm Công ty khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

##### ***Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác***

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Nhóm Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của đơn vị được đầu tư, với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại đơn vị và vốn chủ sở hữu thực có tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại đơn vị đó.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

### 6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Nhóm Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Nhóm Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

### 7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí tập hợp cho các công trình dở dang.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp giá đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

### 8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Nhóm Công ty bao gồm các chi phí sau:

#### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

#### *Chi phí sửa chữa tài sản cố định*

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.



## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

#### 9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Nhóm Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 12
Máy móc và thiết bị	3 - 5
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	3 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	2 - 6

#### 10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Nhóm Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Nhóm Công ty bao gồm:

##### *Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Nhóm Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất tại Công ty mẹ không xác định thời hạn nên không trích khấu hao.

##### *Chương trình phần mềm máy tính*

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Nhóm Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 đến 05 năm.

#### 11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Nhóm Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

#### 12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Nhóm Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa cố hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

#### 13. Vốn chủ sở hữu

##### *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

##### *Thặng dư vốn cổ phần*

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

#### 14. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

#### 15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

##### *Doanh thu bán hàng hóa*

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Nhóm Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa cho người mua.
- Nhóm Công ty đã không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

13/12/2019

## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Nhóm Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Nhóm Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

#### *Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

#### *Cổ tức và lợi nhuận được chia*

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Nhóm Công ty đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

### 16. Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Nhóm Công ty đã tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

### 17. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG**

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

#### **18. Các khoản chi phí**

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

#### **19. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

#### **20. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

#### **21. Báo cáo theo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty.

## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

#### V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

##### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	778.486.854	790.430.699
Tiền gửi ngân hàng	6.112.318.583	2.742.754.921
Cộng	<u>6.890.805.437</u>	<u>3.533.185.620</u>

##### 2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Nhóm Công ty bao gồm đầu tư vào Công ty liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Nhóm Công ty như sau:

##### 2a. Đầu tư vào công ty liên kết

Là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Cấp quang Việt Nam Vina – OFC. Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100113423 ngày 27 tháng 6 năm 2014 do Sở Kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Cấp quang Việt Nam Vina - OFC 25% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã góp đủ vốn vào Công ty Cổ phần Cấp quang Việt Nam Vina – OFC theo đăng ký.

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Giá gốc	14.140.000.000	14.140.000.000
Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	4.238.990.506	3.967.562.663
Cộng	<u>18.378.990.506</u>	<u>18.107.562.663</u>

Giá trị phần sở hữu của Nhóm Công ty tại công ty liên kết như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	18.107.562.663	17.150.335.525
Phần lãi hoặc lỗ	968.100.426	957.227.138
Công ty liên kết chia cổ tức	(696.672.583)	-
Số cuối năm	<u>18.378.990.506</u>	<u>18.107.562.663</u>

##### Tình hình hoạt động của công ty liên kết

Công ty liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

##### Giao dịch với công ty liên kết

Nhóm Công ty có phát sinh giao dịch với công ty liên kết, chi tiết như sau:

	<u>Năm nay</u>
<b>Công ty Cổ phần Cấp quang Việt Nam Vina – OFC (Vina – OFC)</b>	
Vina – OFC Chia cổ tức	696.672.583
Mua vật tư từ Vina – OFC (chưa thuế GTGT)	5.720.938.000
Thanh toán tiền mua vật tư cho Vina – OFC	3.424.098.252
Đối trừ tiền cổ tức phải thu và tiền mua vật tư	75.806.501

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG**

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Cổ phần Công nghệ Cấp quang và Thiết bị Bưu điện	4.930.000.000	(4.930.000.000)	4.930.000.000	(4.930.000.000)
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật MobiFone <sup>(1)</sup>	579.710		960.000.000	
<b>Cộng</b>	<b>4.930.579.710</b>	<b>(4.930.000.000)</b>	<b>5.890.000.000</b>	<b>(4.930.000.000)</b>

- <sup>(1)</sup> Trong năm Công ty đã bán 132.400 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật MobiFone với giá bán là 3.899.180.000 VND. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty nắm giữ 80 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật MobiFone (số đầu năm là 132.480 cổ phiếu).

**Giá trị hợp lý**

Nhóm Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

**Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

Trong năm, Nhóm Công ty không phát sinh trích lập/hoàn nhập dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

**3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>131.222.054.641</i>	<i>125.644.443.109</i>
Trung tâm mạng lưới MobiFone Miền Trung	5.754.366.472	-
Trung tâm đo kiểm sửa chữa Viễn thông MobiFone- Chi nhánh Tổng Công ty Viễn thông MobiFone	5.576.114.221	-
Ban quản lý Dự án Hạ tầng I - Chi nhánh Tổng Công ty Viễn thông MobiFone	-	996.495.238
Công ty Cổ phần Cokyvina	3.132.165.122	34.244.076.252
Trung tâm Hạ tầng mạng Miền Bắc-Chi nhánh Tổng Công ty Hạ tầng mạng	-	5.107.739.120
Trung tâm Mạng lưới MobiFone Miền Bắc- Tổng Công ty Viễn thông MobiFone	15.417.964.473	3.970.104.482
Ban khai thác mạng - Chi nhánh Tổng Công ty Hạ tầng Mạng	14.342.795.252	14.342.795.252
Công ty Cổ phần thiết bị Bưu điện (POSTEF)	25.272.500.000	-
Công ty Cổ phần Tích hợp Công nghệ XTC Hà Nội	3.449.607.478	6.246.807.478
Công ty TNHH Công nghệ Thông tin MXGROUP	4.110.246.164	4.713.246.164
Phải thu các khách hàng tại Chi nhánh Hồ Chí Minh (Công ty mẹ)	1.277.165.908	1.277.165.908
Phải thu các khách hàng khác	52.889.129.551	54.746.013.215
<b>Cộng</b>	<b>131.222.054.641</b>	<b>125.644.443.109</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG**

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

**4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	2.516.262.404	991.968.087
Công ty TNHH Dịch vụ Công nghệ	-	151.800.000
Công ty TNHH Một thành viên Convery & Construct Hòa Thanh Bình	384.000.000	-
Công ty TNHH Kỹ thuật CTM Việt Nam	130.000.000	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ IT&HEALTH Thiên Phước	1.040.000.000	-
Các nhà cung cấp khác	962.262.404	840.168.087
<b>Cộng</b>	<b>2.516.262.404</b>	<b>991.968.087</b>

**5. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác****5a. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	53.069.545.080	(5.512.626.280)	50.145.158.754	(5.512.626.280)
Phải thu cán bộ công nhân viên	3.217.959.648	(1.919.569.484)	4.055.320.249	(1.919.569.484)
Tạm ứng	5.231.717.190		5.550.894.035	
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	829.257.024		479.451.230	
Phải thu do chi quá Quỹ Khen thưởng, Phúc lợi	6.819.108.809		7.019.481.019	
Các khoản phải thu tại Chi nhánh Hồ Chí Minh (Công ty mẹ)	12.753.473.404		12.753.473.404	
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	24.218.029.005	(3.593.056.796)	20.286.538.817	(3.593.056.796)
<b>Cộng</b>	<b>53.069.545.080</b>	<b>(5.512.626.280)</b>	<b>50.145.158.754</b>	<b>(5.512.626.280)</b>

**5b. Phải thu dài hạn khác**

Là các khoản ký cược, ký quỹ dài hạn.

**6. Nợ xấu**

Các khoản nợ xấu có thời gian quá hạn trên 03 năm. Chi tiết như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	<i>Các tổ chức và cá nhân khác</i>	6.036.006.195		6.023.475.565
Nghiêm Xuân Bình - Phải thu tạm ứng công trình	1.145.857.811		1.145.857.811	
Đình Châu Giang - Phải thu tạm ứng công trình	203.814.768		203.814.768	
Phải thu do chi quá tiền lương của Xi nghiệp Tư vấn Thiết kế đã giải thể	1.499.798.702		1.499.798.702	
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	3.186.534.914		3.174.004.284	
<b>Cộng</b>	<b>6.036.006.195</b>		<b>6.023.475.565</b>	

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG**

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	6.023.475.565	5.728.129.179
Trích lập dự phòng bổ sung	12.530.630	295.346.386
Hoàn nhập dự phòng	-	-
Số cuối năm	<u>6.036.006.195</u>	<u>6.023.475.565</u>

**7. Tài sản thiếu chờ xử lý**

Là hàng tồn kho thiếu chờ xử lý tại Chi nhánh Cần Thơ của Công ty mẹ.

**8. Hàng tồn kho**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	7.629.435.927	(2.265.154.138)	6.191.807.523	(1.803.154.138)
Công cụ, dụng cụ	42.206.400	-	42.206.400	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	53.734.005.688	-	33.666.203.104	-
Hàng tồn kho tại Chi nhánh Hồ Chí Minh (Công ty mẹ)	1.327.799.572	-	1.327.799.572	-
Hàng hóa	2.061.835.061	-	2.137.507.363	-
<b>Cộng</b>	<u>64.795.282.648</u>	<u>(2.265.154.138)</u>	<u>43.365.523.962</u>	<u>(1.803.154.138)</u>

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	1.803.154.138	1.340.054.138
Trích lập dự phòng bổ sung	462.000.000	463.100.000
Số cuối năm	<u>2.265.154.138</u>	<u>1.803.154.138</u>

**9. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn****9a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí bảo hiểm	70.985.953	86.553.726
Chi phí công cụ dụng cụ	180.674.362	-
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	64.475.841	12.167.319
<b>Cộng</b>	<u>316.136.156</u>	<u>98.721.045</u>

**9b. Chi phí trả trước dài hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí giải thể các chi nhánh	-	859.233.551
Chi phí sửa chữa	-	764.442.836
Chi phí công cụ, dụng cụ	22.392.989	88.700.799
Các chi phí trả trước dài hạn khác	-	79.165.088
<b>Cộng</b>	<u>22.392.989</u>	<u>1.791.542.274</u>



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG**

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

**10. Tài sản cố định hữu hình**

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	18.056.200.004	24.521.620.044	12.072.455.550	1.117.357.194	55.767.632.792
Mua trong năm	-	-	-	-	-
Thanh lý nhượng bán	(3.907.137.209)	(583.207.597)	(479.726.818)	-	(4.970.071.624)
<b>Số cuối năm</b>	<b>14.149.062.795</b>	<b>23.938.412.447</b>	<b>11.592.728.732</b>	<b>1.117.357.194</b>	<b>50.797.561.168</b>
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	10.342.330.055	22.168.661.039	4.258.952.156	809.025.376	37.578.968.626
Chờ thanh lý					
<b>Giá trị hao mòn</b>					
Số đầu năm	11.973.753.517	23.240.244.696	6.936.313.902	1.026.110.649	43.176.422.765
Khấu hao trong năm	267.807.146	405.588.534	998.393.316	79.783.943	1.751.572.939
Thanh lý, nhượng bán	(3.907.137.209)	(583.207.597)	(479.726.818)	-	(4.970.071.624)
<b>Số cuối năm</b>	<b>8.334.423.454</b>	<b>23.062.625.633</b>	<b>7.454.980.400</b>	<b>1.105.894.592</b>	<b>39.957.924.080</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	6.082.446.487	1.281.375.348	5.136.141.648	91.246.545	12.591.210.027
<b>Số cuối năm</b>	<b>5.814.639.341</b>	<b>875.786.814</b>	<b>4.137.748.332</b>	<b>11.462.602</b>	<b>10.839.637.088</b>
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng					
Đang chờ thanh lý					

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 9.263.636.990 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các Ngân hàng (xem thuyết minh số 19a).

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG**Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****11. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất (*)	Chương trình phần mềm	Cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	19.994.237.818	205.000.000	20.199.237.818
Số cuối năm	19.994.237.818	205.000.000	20.199.237.818
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng		160.000.000	160.000.000
<b>Giá trị hao mòn</b>			
Số đầu năm	-	181.750.000	181.750.000
Khấu hao trong năm	-	9.000.000	9.000.000
Số cuối năm	-	190.750.000	190.750.000
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	19.994.237.818	23.250.000	20.017.487.818
Số cuối năm	19.994.237.818	14.250.000	20.008.487.818
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời không sử dụng			
Đang chờ thanh lý			

(\*) Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất 245,4 m<sup>2</sup> tại số 4A, 4B, 4C Vương Thừa Vũ, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội. Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn nên không trích khấu hao. Quyền sử dụng đất đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Ba Đình và Ngân hàng TMCP Tiên Phong – Chi nhánh Thanh Xuân (xem thuyết minh số V.19)

**12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Là chi phí xây dựng công trình trụ sở Chi nhánh Cần Thơ. (Công ty mẹ)

**13. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Phải trả các bên liên quan</b>	<b>4.385.482.640</b>	<b>1.592.355.593</b>
Công ty Cổ phần Cấp quang Việt Nam VINA-OFC	4.385.482.640	1.592.355.593
<b>Phải trả các nhà cung cấp khác</b>	<b>75.248.835.444</b>	<b>58.382.781.081</b>
Công ty TNHH ZTE HK (VIETNAM)	22.108.294.429	35.886.296.929
Công ty Cổ phần SPR Việt Nam	2.738.413.002	6.267.131.002
ZTE Corporation	3.617.239.927	3.613.338.676
Các nhà cung cấp của Chi nhánh Hồ Chí Minh (Công ty mẹ)	2.807.326.139	2.807.326.139
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật MobiFone	1.458.915.930	-
Công ty TNHH Một thành viên Thông tin M3	25.025.000.000	-
Các nhà cung cấp khác	17.493.646.017	9.808.688.335
<b>Cộng</b>	<b>79.634.318.084</b>	<b>59.975.136.674</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG**

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

**14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	<b>1.219.270.913</b>	<b>759.767.858</b>
Công ty Cổ phần ZTE-Cambodia	144.443.549	-
NEC Corporation	109.973.600	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ	307.160.150	-
Các khách hàng khác	657.693.614	759.767.858
<b>Cộng</b>	<b>1.219.270.913</b>	<b>759.767.858</b>

11/21/2020 10:12:12 AM

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG**

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

**15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	3.192.153.670	142.038.641	2.244.711.443	(3.089.378.612)	2.352.327.028	146.879.168
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	530.135	(530.135)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	350.961.597	-	64.507.233	(339.494.073)	75.974.757	-
Thuế thu nhập cá nhân	155.659.471	497.262	129.965.468	(205.531.283)	90.042.759	10.446.365
Các loại thuế khác	-	395.920.637	8.000.000	(8.000.000)	-	395.920.637
<b>Cộng</b>	<b>3.698.774.738</b>	<b>538.456.540</b>	<b>2.447.714.279</b>	<b>(3.642.934.103)</b>	<b>2.518.344.544</b>	<b>553.246.170</b>

**Thuế giá trị gia tăng**

Nhóm Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Nhóm Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của nhóm Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

**Các loại thuế khác**

Nhóm Công ty kê khai và nộp theo quy định

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG**

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

**16. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	28.857.597.799	24.368.806.331
Lãi vay phải trả	444.058.685	156.228.131
Giá vốn trích trước	22.098.165.045	17.697.543.579
Chi phí phải trả tại Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (Công ty mẹ)	6.253.418.069	6.253.418.069
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	61.956.000	261.616.552
<b>Cộng</b>	<b>28.857.597.799</b>	<b>24.368.806.331</b>

**17. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn**

Là doanh thu cho thuê nhà nhận trước.

**18. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác****18a. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	30.609.579.387	30.119.678.139
Kinh phí công đoàn	950.568.315	726.291.280
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp	1.840.388.062	1.232.532.928
Phải trả cán bộ công nhân viên về chi phí thực hiện công trình	16.391.126.136	17.930.402.844
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	6.438.849.161	5.687.712.645
Phải trả ngắn hạn khác tại Chi nhánh Hồ Chí Minh (Công ty mẹ)	1.990.198.309	1.990.198.309
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	2.998.449.404	2.552.540.133
<b>Cộng</b>	<b>30.609.579.387</b>	<b>30.119.678.139</b>

**18b. Phải trả dài hạn khác**

Là khoản nhận ký quỹ, ký cược dài hạn.

**19. Vay ngắn hạn/dài hạn****19a. Vay ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay ngắn hạn ngân hàng</i>	39.398.445.732	32.404.800.019
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Ba Đình <sup>(i)</sup>	20.044.168.026	21.036.135.452
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Trần Duy Hưng <sup>(ii)</sup>	3.383.525.007	1.672.000.000
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Thanh Xuân <sup>(iii)</sup>	15.970.752.699	9.696.664.567
<i>Vay Công ty TNHH Smatec<sup>(iv)</sup></i>	1.970.000.000	2.020.000.000
<i>Vay ngắn hạn các cá nhân<sup>(v)</sup></i>	5.301.000.000	8.290.000.000
Ông Phạm Văn Khánh	680.000.000	4.705.000.000
Ông Lê Việt An	2.555.000.000	3.585.000.000
Ông Bùi Tiến Đức	1.096.000.000	-
Bà Nguyễn Thị Hương Lan	970.000.000	-
<i>Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.19b)</i>	667.947.600	767.867.600
<b>Cộng</b>	<b>47.337.393.332</b>	<b>43.482.667.625</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Nhóm Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.
- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Ba Đình tại Công ty mẹ để phục vụ sản xuất kinh doanh với lãi suất theo từng khế ước, thời hạn vay không quá 9 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất tại số 4B-4C Vương Thừa Vũ, quận Thanh Xuân, Hà Nội.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Trần Duy Hưng tại Công ty con theo hợp đồng hạn mức để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh thường xuyên của Công ty. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sở hữu phòng 1602, tòa C2, chung cư Vinaconex1.
- (iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Tiên Phong – Chi nhánh Thanh Xuân tại Công ty mẹ để phục vụ sản xuất kinh doanh với lãi suất theo từng khế ước, thời hạn vay không quá 9 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất tại số 4A Vương Thừa Vũ, quận Thanh Xuân, Hà Nội.
- (iv) Vay không có tài sản đảm bảo Công ty TNHH Smatec tại Công ty con để bổ sung vốn lưu động với lãi suất 0%/ năm.
- (v) Vay không có tài sản đảm bảo của các cá nhân để phục vụ sản xuất kinh doanh với lãi suất 0%/năm.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Kết chuyển		Số cuối năm
			từ vay và nợ dài hạn	Số tiền vay đã trả trong năm	
Vay ngắn hạn ngân hàng	32.404.800.019	72.288.982.591	-	(65.295.336.878)	39.398.445.732
Vay ngắn hạn các tổ chức khác	2.020.000.000	250.000.000	-	(300.000.000)	1.970.000.000
Vay ngắn hạn các cá nhân	8.290.000.000	7.075.500.000	-	(10.064.500.000)	5.301.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	767.867.606	-	667.947.600	(767.867.606)	667.947.600
<b>Cộng</b>	<b>43.482.667.625</b>	<b>79.614.482.591</b>	<b>667.947.600</b>	<b>(76.427.704.484)</b>	<b>47.337.393.332</b>

### 19b. Vay dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Ba Đình <sup>(i)</sup>	152.311.500	517.859.100
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Trần Duy Hưng <sup>(ii)</sup>	478.800.000	781.200.000
<b>Cộng</b>	<b>631.111.500</b>	<b>1.299.059.100</b>

Nhóm Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Ba Đình tại Công ty mẹ để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với lãi suất 10,5%/năm, thời hạn vay từ 02 đến 05 năm theo từng khế ước kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Số tiền vay được hoàn trả hàng tháng.

## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Trần Duy Hưng tại Công ty con theo hợp đồng số 131395 ngày 09 tháng 8 năm 2017 để mua xe ô tô Toyota Camry với lãi suất 9,5%/năm, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên. Số tiền vay được hoàn trả hàng tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ khoản vay.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	667.947.600	767.867.606
Trên 1 năm đến 5 năm	631.111.500	1.299.059.100
<b>Cộng</b>	<b>1.299.059.100</b>	<b>2.066.926.706</b>

Chi tiết phát sinh của các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	1.299.059.100	2.066.926.706
Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	(667.947.600)	(767.867.606)
<b>Số cuối năm</b>	<b>631.111.500</b>	<b>1.299.059.100</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG**

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

**20. Vốn chủ sở hữu****20a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số đầu năm trước	48.000.000.000	32.663.796.276	1.591.818.768	100.242.705	5.760.740.725	17.828.325.130	105.944.923.604
Lợi nhuận trong năm					2.586.543.039	38.708.950	2.625.251.989
Chia cổ tức					(1.876.800.000)		(1.876.800.000)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>48.000.000.000</b>	<b>32.663.796.276</b>	<b>1.591.818.768</b>	<b>100.242.705</b>	<b>6.470.483.764</b>	<b>17.867.034.080</b>	<b>106.693.375.593</b>
Số dư đầu năm nay	48.000.000.000	32.663.796.276	1.591.818.768	100.242.705	6.470.483.764	17.867.034.080	106.693.375.593
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	653.576.667	128.751.238	782.327.905
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(200.158.645)	-	(200.158.645)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(820.547.000)	-	(820.547.000)
Chi trả thù lao cho HĐQT, BKS	-	-	-	-	(79.453.000)	-	(79.453.000)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>48.000.000.000</b>	<b>32.663.796.276</b>	<b>1.591.818.768</b>	<b>100.242.705</b>	<b>6.023.901.786</b>	<b>17.995.785.318</b>	<b>106.375.544.853</b>

**20b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tập đoàn Bru chính Viễn thông Việt Nam	15.750.000.000	15.750.000.000
Các cổ đông khác	32.250.000.000	32.250.000.000
<b>Cộng</b>	<b>48.000.000.000</b>	<b>48.000.000.000</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

#### 20c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.800.000	4.800.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	4.800.000	4.800.000
- Cổ phiếu phổ thông	4.800.000	4.800.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông		
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.800.000	4.800.000
- Cổ phiếu phổ thông	4.800.000	4.800.000
- Cổ phiếu ưu đãi		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

#### 20d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm, Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm tài chính 2018 số 11/NQ-ĐHĐCĐ ngày 12 tháng 06 năm 2019 như sau:

	VND
• Chia cổ tức cho các cổ đông	820.547.000
• Trích thù lao HĐQT và BKS	79.453.000
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	200.158.645

#### 21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất

##### *Ngoại tệ các loại*

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm 687,26 USD (số đầu năm là 4.456,98 USD).

## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

### 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

#### 1a. Tổng doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	26.427.970.952	11.983.588.554
Doanh thu cung cấp dịch vụ	28.290.679.497	10.911.366.704
Doanh thu hợp đồng xây lắp	40.112.436.765	102.146.718.209
Cộng	<u>94.831.087.214</u>	<u>125.041.673.467</u>

#### 1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Nhóm Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.

### 2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	24.535.527.211	8.524.566.380
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	27.090.416.390	6.970.143.758
Giá vốn của hoạt động xây lắp	31.048.156.983	87.715.483.223
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	462.000.000	463.100.000
Cộng	<u>83.136.100.584</u>	<u>103.673.293.361</u>

### 3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	12.551.540	9.761.213
Lãi thanh lý khoản đầu tư	2.917.649.770	
Cổ tức, lợi nhuận được chia	696.672.583	198.720.000
Doanh thu tài chính khác	9.180.000	-
Cộng	<u>3.636.053.893</u>	<u>208.481.213</u>

### 4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	3.837.066.365	3.791.422.868
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	75.729	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	34.780	75.549.369
Chi phí tài chính khác	31.755.473	11.761.011
Cộng	<u>3.868.932.347</u>	<u>3.878.733.248</u>

### 5. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	59.429.543	96.173.455
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	18.600.000	28.417.914
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.759.421.642	1.781.775.020
Các chi phí khác	149.217.645	227.630.784
Cộng	<u>1.986.668.830</u>	<u>2.133.997.173</u>

## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

#### 6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	3.393.216.743	6.096.138.097
Chi phí đồ dùng văn phòng	212.444.176	486.756.473
Chi phí khấu hao tài sản cố định	807.121.915	844.498.356
Thuế, phí và lệ phí	94.072.729	55.260.853
Dự phòng phải thu khó đòi	12.530.630	295.346.386
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.538.043.242	3.143.694.187
Các chi phí khác	1.151.582.902	1.347.090.542
<b>Cộng</b>	<b>9.209.012.337</b>	<b>12.268.784.894</b>

#### 7. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	336.552.536	-
Thu nhập từ các khoản được hỗ trợ	30.000.000	90.660.000
Thu nhập khác	35.699.550	27.652.568
<b>Cộng</b>	<b>402.252.086</b>	<b>118.312.568</b>

#### 8. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thuế bị phạt, bị truy thu	30.448.095	728.259.812
Phạt vi phạm hợp đồng	62.820.000	525.521.836
Chi phí khác	3.705	68.812.455
<b>Cộng</b>	<b>93.271.800</b>	<b>1.322.594.103</b>

#### 9. Lãi trên cổ phiếu

##### 9a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông Công ty mẹ	653.576.667	2.586.543.039
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(200.158.645)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	653.576.667	2.386.384.394
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	4.800.000	4.800.000
<b>Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>136</b>	<b>497</b>

##### 9b. Thông tin khác

Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu cùng kỳ năm trước được tính toán lại do trừ số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi khi xác định lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính. Việc này làm cho lãi cơ bản trên cổ phiếu cùng kỳ năm trước giảm từ 539 VND xuống còn 497 VND.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất này.

## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

#### 10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	47.056.987.202
Chi phí nhân công	3.452.646.286
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.695.936.638
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.198.079.599
Chi phí khác	1.392.604.815
Cộng	<u>69.796.254.540</u>

#### VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

##### 1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Nhóm Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

##### 1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các thành viên Ban Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Nhóm Công ty không phát sinh giao dịch và không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

##### *Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt chỉ có lương với tổng tiền lương trong năm là 1.040.084.636 VND (năm trước là 1.046.345.273 VND).

##### 1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Bên liên quan khác với Nhóm Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Cấp quang Việt Nam Vina – OFC	Công ty liên kết
Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam	Cổ đồng lớn

Giao dịch với Công ty liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2a, công nợ với Công ty liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.13. Ngoài ra, Nhóm Công ty không có giao dịch và không có công nợ với các bên liên quan khác.

##### 2. Thông tin về bộ phận

##### 2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Nhóm Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực kinh doanh thương mại: Bán vật tư,
- Lĩnh vực dịch vụ: Tối ưu hóa, sửa chữa ứng cứu, bảo dưỡng, tư vấn thiết kế, cho thuê nhà trạm.
- Lĩnh vực xây lắp: lắp đặt các dịch vụ hạ tầng viễn thông

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG**

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của nhóm Công ty như sau:

	Lĩnh vực thương mại	Lĩnh vực dịch vụ	Lĩnh vực xây lắp	Cộng
<b>Năm nay</b>				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	26.427.970.952	28.290.679.497	40.112.436.765	94.831.087.214
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>26.427.970.952</b>	<b>28.290.679.497</b>	<b>40.112.436.765</b>	<b>94.831.087.214</b>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	1.892.443.741	1.200.263.107	8.602.279.782	11.694.986.630
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(11.195.681.167)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				499.305.463
Doanh thu hoạt động tài chính				3.636.053.893
Chi phí tài chính				(3.868.932.347)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết				271.427.843
Thu nhập khác				402.252.086
Chi phí khác				(93.271.800)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(64.507.233)
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>				<b>782.327.905</b>
<b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b>				<b>-</b>
<b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>				<b>3.075.623.647</b>
<b>Năm trước</b>				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	11.983.588.554	10.911.366.704	102.146.718.209	125.041.673.467
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>11.983.588.554</b>	<b>10.911.366.704</b>	<b>102.146.718.209</b>	<b>125.041.673.467</b>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	3.459.022.174	3.941.222.946	13.968.134.986	21.368.380.106
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(14.402.782.067)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				6.965.598.039
Doanh thu hoạt động tài chính				208.481.213
Chi phí tài chính				(3.878.733.248)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết				957.227.138
Thu nhập khác				118.312.568
Chi phí khác				(1.322.594.103)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(423.039.618)
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>				<b>2.625.251.989</b>
<b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b>			148.200.000	148.200.000
<b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>				<b>2.257.937.566</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG**

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của nhóm Công ty như sau:

	Lĩnh vực thương mại	Lĩnh vực dịch vụ	Lĩnh vực xây lắp	Cộng
<b>Số cuối năm</b>				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	85.073.121.279	15.211.616.937	98.573.806.160	198.858.544.376
Tài sản phân bổ cho bộ phận				
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				102.717.351.800
<b>Tổng tài sản</b>				<b>301.575.896.176</b>
<b>Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận</b>	<b>48.687.613.953</b>	<b>3.617.239.927</b>	<b>60.597.585.610</b>	<b>112.902.439.490</b>
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận				
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				82.297.911.833
<b>Tổng nợ phải trả</b>				<b>195.200.351.323</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	58.717.095.958	10.279.726.350	99.758.447.343	168.755.269.651
Tài sản phân bổ cho bộ phận				
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				102.466.996.407
<b>Tổng tài sản</b>				<b>271.222.266.058</b>
<b>Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận</b>	<b>22.591.909.532</b>	<b>3.613.338.676</b>	<b>71.514.243.352</b>	<b>97.719.491.560</b>
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận				
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				66.809.398.905
<b>Tổng nợ phải trả</b>				<b>164.528.890.465</b>

**2b. Thông tin về khu vực địa lý**

Toàn bộ hoạt động của nhóm Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

**3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Lập, ngày 22 tháng 3 năm 2020

Người lập biểu

Sơn Hồng Sơn

Kế toán trưởng

Trần Trung Hiếu

Tổng Giám đốc

Phan Sỹ Kiên